

Số: 3184/BC-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 05 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện thu, chi ngân sách địa phương năm 2022; Dự toán thu ngân sách và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023
(Trình kỳ họp thứ chín, HĐND thành phố Lai Châu khoá IV, nhiệm kỳ 2021-2026)

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025;

UBND thành phố báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2022, dự toán thu ngân sách và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023 như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NSĐP NĂM 2022

Trong năm 2022, kinh tế vẫn tiếp tục chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, diễn biến bất thường của thời tiết, khí hậu... UBND thành phố đã chỉ đạo quyết liệt nhiều biện pháp quản lý thu ngân sách, tăng cường công tác quản lý thu, nuôi dưỡng nguồn thu, thực hiện đồng bộ các giải pháp thu, tập trung dồn đốc thu nợ đọng thuế, phối hợp với Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước, Ban quản lý dự án thu hồi qua tài khoản của doanh nghiệp nợ thuế. Tổ chức kiểm tra kê khai thuế, quyết toán thuế của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào ngân sách Nhà nước. Tăng cường công tác kiểm tra chống thất thu, chống chuyển giá, xử lý hóa đơn bất hợp pháp, tuyên truyền, hỗ trợ, tháo gỡ những khó khăn cho doanh nghiệp trong công tác kê khai, nộp thuế. Thành phố tiếp tục được đầu tư cơ sở hạ tầng, nguồn vốn xây dựng cơ bản được thanh toán tạo nguồn thu cho ngân sách, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

Những tháng đầu năm, do tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, giá dầu và giá đầu vào một số nguyên vật liệu tăng cao đã ảnh hưởng đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại, dịch vụ của doanh nghiệp và người

dân, doanh nghiệp thiếu việc làm, các hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ giảm sút; Chính phủ đã ban hành các Nghị định để tháo gỡ khó khăn cho người dân và doanh nghiệp, hộ kinh doanh như gia hạn nộp thuế, giảm thuế, miễn thuế như Nghị định số 10/2022/NĐ-CP, NĐ 15/2022/NĐ-CP, việc thực hiện các dự án tạo quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất còn chậm... đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình thu ngân sách trên địa bàn thành phố năm 2022.

Dưới sự lãnh đạo của Thành ủy, sự giám sát của HĐND thành phố, sự chỉ đạo kịp thời của các cấp, các ngành, cùng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị toàn thành phố, cùng với sự đồng lòng của người dân và doanh nghiệp thành phố sẽ tiếp tục thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, khắc phục mọi khó khăn phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách năm 2022.

Trên cơ sở đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội, UBND thành phố báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2022 như sau:

I. THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

Dự toán thu ngân sách địa phương HĐND thành phố giao năm 2022 là 423.792 triệu đồng. Ước thực hiện năm 2022 là 543.719 triệu đồng, đạt 130% so với dự toán tỉnh giao, đạt 128% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao và đạt 96% so với thực hiện năm 2021. Nếu loại trừ các khoản thu kết dư, thu chuyển nguồn là 93.852 triệu đồng thì thực chất tổng thu ngân sách địa phương ước thực hiện là 449.867 triệu đồng, đạt 106% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao, cụ thể:

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn HĐND thành phố giao là 186.000 triệu đồng. Ước thực hiện năm 2022 là 186.172 triệu đồng, đạt 103% so với dự toán tỉnh giao và đạt 100% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao, đạt 94% so với thực hiện năm 2021. Thu cân đối ngân sách (*loại trừ các khoản thu tiền sử dụng đất*) là 93.850 triệu đồng, đạt 106,8% so với dự toán tỉnh giao và đạt 100% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao cụ thể như sau:

1.1. Thu thuế ngoài quốc doanh: Dự toán giao 45.000 triệu đồng, ước thực hiện năm 2022 là 39.370 triệu đồng, đạt 98% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 87% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao.

1.2. Lệ phí trước bạ: Dự toán giao 27.000 triệu đồng, ước thực hiện năm 2022 là 27.000 triệu đồng, đạt 104% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 100% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao.

1.3. Thuế thu nhập cá nhân: Dự toán giao 8.500 triệu đồng, ước thực hiện năm 2022 là 8.500 triệu đồng, đạt 100% so với kế hoạch tỉnh và Nghị quyết HĐND thành phố giao.

1.4. Thu phí, lệ phí: Dự toán giao 3.000 triệu đồng, ước thực hiện năm 2022 là 3.000 triệu đồng, đạt 100% so với kế hoạch tỉnh và Nghị quyết HĐND thành phố giao.

1.5. Thu tiền sử dụng đất: Dự toán giao 90.000 triệu đồng, ước thực hiện năm 2022 là 90.000 triệu đồng, đạt 100% so với kế hoạch tỉnh và Nghị quyết HĐND thành phố giao.

1.6. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước: Dự toán giao 9.500 triệu đồng, ước thực hiện năm 2022 là 9.500 triệu đồng, đạt 100% so với kế hoạch tỉnh và Nghị quyết HĐND thành phố giao.

1.7. Thu khác ngân sách: Dự toán giao 3.000 triệu đồng, ước thực hiện năm 2022 là 8.790 triệu đồng, đạt 293% (tăng 5.790 triệu đồng) so với kế hoạch tỉnh và Nghị quyết HĐND thành phố giao. Nguyên nhân tăng cao so với dự toán giao là do trong năm tăng số thu hồi các khoản chi năm trước theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

1.8. Thu từ doanh nghiệp do địa phương quản lý: 12 triệu đồng, chỉ tiêu này phát sinh ngoài dự toán được giao.

2. Thu kết dư ngân sách: 739 triệu đồng

3. Thu chuyển nguồn ngân sách: 93.113 triệu đồng, bao gồm:

- Thu chuyển nguồn ngân sách thành phố: 92.529 triệu đồng

- Thu chuyển nguồn ngân sách xã, phường: 584 triệu đồng

4. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:

Dự toán giao 257.942 triệu đồng, ước thực hiện năm 2022 là 284.017 triệu đồng, đạt 110% so với dự toán tỉnh và HĐND thành phố giao; tăng 8,3% so với thực hiện năm 2021.

- Thu bổ sung cân đối: 195.214 triệu đồng.

- Thu bổ sung có mục tiêu: 88.803 triệu đồng (trong đó dự toán giao đầu năm 62.728 triệu, đã hoàn trả ngân sách tỉnh 385 triệu đồng), tăng 26.460 triệu đồng¹ so với dự toán tỉnh giao đầu năm.

(Chi tiết theo Phụ lục I kèm theo)

¹ Thu bổ sung có mục tiêu năm 2022 tăng 26.460 triệu đồng do trong năm Tỉnh bổ sung các nhiệm vụ: Kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ: 459 triệu đồng; Kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát động Lễ trồng cây năm 2022: 500 triệu đồng; Kinh phí lập đề án quy hoạch chi tiết cây xanh đô thị một số khu vực và tuyến đường trên địa bàn thành phố Lai Châu: 2.200 triệu đồng; Kinh phí thực hiện 03 Chương trình MTQG: 13.086 triệu đồng; Kinh phí thực hiện hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin "Xây dựng hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ cơ quan số hóa tài liệu lưu trữ tại Văn phòng HĐND-UBND thành phố Lai Châu": 706 triệu đồng; Đề án phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung: 2.665 triệu đồng; Kinh phí thực hiện Đề án bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch và kinh phí chi trả các chính sách, chế độ theo quy định: 3.930 triệu đồng; Kinh phí thực hiện các chính sách lĩnh vực giáo dục và đào tạo: 1.893 triệu đồng; Kinh phí thực hiện các chính sách lĩnh vực đảm bảo và an sinh xã hội: 699 triệu đồng; Kinh phí thực hiện một số chính sách theo quy định năm 2022: 322 triệu đồng.

II. THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành chi NSNN

Thực hiện Nghị quyết của HĐND thành phố, ngay từ đầu năm, UBND thành phố đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, đoàn thể, UBND các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện dự toán chi NSNN năm 2022², đảm bảo tiết kiệm, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách; việc quản lý, mua sắm, sử dụng tài sản nhà nước theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định.

Trước tình hình thu ngân sách còn gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn phải đáp ứng các nhiệm vụ chi theo dự toán và xử lý kịp thời các nhiệm vụ đột xuất phát sinh cho công tác phòng chống dịch bệnh, phòng chống thiên tai, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng an ninh. UBND thành phố đã chủ động điều hành chi NSNN chặt chẽ, triệt để tiết kiệm, bố trí trong phạm vi dự toán được giao để thực hiện các nhiệm vụ chi quan trọng; điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư. Đồng thời chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra tài chính - ngân sách, công tác kiểm soát chi NSNN, phát hiện, chấn chỉnh và xử lý kịp thời các sai phạm.

2. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán ở các lĩnh vực chi NSNN

Dự toán HĐND thành phố giao 423.792 triệu đồng, ước thực hiện năm 2022 là 505.523 triệu đồng, đạt 121% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 119% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao.

Chi tiết các lĩnh vực chi cụ thể như sau:

2.1. Chi cân đối ngân sách địa phương

Dự toán HĐND thành phố giao là 423.792 triệu đồng, ước thực hiện năm 2022 là 436.784 triệu đồng, đạt 103% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao, chi tiết như sau:

a. Chi đầu tư phát triển

Dự toán HĐND thành phố giao 64.337 triệu đồng, ước thực hiện năm 2022 là 92.593 triệu đồng, đạt 144% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao, tăng 28% so với thực hiện năm 2021, kết quả cụ thể như sau:

- Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung: Dự toán HĐND thành phố giao 19.847 triệu đồng, ước thực hiện năm 2022 là 27.695 triệu đồng, đạt 140% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao (*trong đó: thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 là 19.847 triệu đồng, thanh toán từ nguồn chi chuyển nguồn năm trước chuyển sang là 7.848 triệu đồng*).

- Nguồn thu sử dụng đất: Dự toán HĐND thành phố giao 44.490 triệu đồng, ước thực hiện năm 2022 là 54.950 triệu đồng, đạt 124% so với Nghị quyết

² Công văn số 391/UBND-TCKH ngày 28/02/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022; Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND thành phố về việc ban hành chương trình công tác của UBND thành phố Lai Châu năm 2022; Kế hoạch số 883/KH-BCĐ ngày 20/4/2022 của Ban chỉ đạo chống thất thu ngân sách và thu hồi nợ đọng thuế trên địa bàn thành phố Lai Châu năm 2022.

HĐND thành phố giao (trong đó: thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 là 49.626 triệu đồng, thanh toán từ nguồn chi chuyển nguồn năm trước chuyển sang là 5.324 triệu đồng).

- Nguồn thu XSKT thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM (nguồn chuyển nguồn năm 2021 chuyển sang): 263 triệu đồng.

- Nguồn vốn tỉnh khen thưởng công trình phúc lợi để thực hiện chương trình xây dựng NTM (nguồn chuyển nguồn năm 2021 chuyển sang): 2.156 triệu đồng.

- Nguồn vốn tăng thu ngân sách thành phố năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022: 1.864 triệu đồng.

- Nguồn vốn tỉnh bổ sung năm 2022 thực hiện Đề án 04-ĐA/TU: 2.665 triệu đồng.

- Nguồn vốn tỉnh bổ sung năm 2022 thực hiện Nghị quyết số 59/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh: 3.000 triệu đồng.

b. Chi thường xuyên: Dự toán HĐND thành phố giao 317.229 triệu đồng, ước thực hiện năm 2022 là 336.797 triệu đồng, đạt 106% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao, bằng 92% so với thực hiện năm 2021; dự toán chi đã đáp ứng các nhiệm vụ theo dự toán và xử lý kịp thời các nhiệm vụ đột xuất phát sinh về phòng chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể, UBND các xã, phường đã nghiêm túc tổ chức triển khai các giải pháp đã đề ra, quản lý, sử dụng chi NSNN đảm bảo chặt chẽ, đảm bảo đúng chế độ, chính sách, đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, chính trị của thành phố, gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, triệt để tiết kiệm, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, tăng cường kỷ cương, kỷ luật ngân sách, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách và tài sản công, cụ thể:

(1) *Chi sự nghiệp kinh tế*: Dự toán giao 71.067 triệu đồng, ước thực hiện 81.862 triệu đồng, đạt 115% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao, bằng 60% so với thực hiện năm 2021.

(2) *Chi sự nghiệp môi trường theo Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh*: Dự toán giao 3.000 triệu đồng, ước thực hiện 2.651 triệu đồng, đạt 88% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao.

(3) *Sự nghiệp giáo dục - đào tạo*: Dự toán giao 161.736 triệu đồng, ước thực hiện 162.333 triệu đồng, đạt 100% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao, tăng 10% so với thực hiện năm 2021.

(4) *Sự nghiệp văn hóa - thông tin, thể thao*: Dự toán giao 2.710 triệu đồng, ước thực hiện 3.084 triệu đồng, đạt 114% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao, tăng 16% so với thực hiện năm 2021.

(5) *Sự nghiệp truyền thanh*: Dự toán giao 2.606 triệu đồng, ước thực hiện 2.618 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán tính giao và Nghị quyết HĐND thành phố giao, tăng 49% so với thực hiện năm 2021.

(6) *Chi đảm bảo xã hội*: Dự toán giao 5.703 triệu đồng, ước thực hiện 6.447 triệu đồng, đạt 113% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao, bằng 99% so với thực hiện năm 2021.

(7) *Chi Quản lý hành chính*: Dự toán giao 33.385 triệu đồng, ước thực hiện 36.032 triệu đồng, đạt 108% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao, tăng 5% so với thực hiện năm 2021.

(8) *Chi An ninh - Quốc phòng*: Dự toán giao 5.426 triệu đồng, ước thực hiện 8.786 triệu đồng, đạt 162% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao do trong năm bổ sung kinh phí diễn tập phòng thủ thành phố Lai Châu và một số nhiệm vụ phát sinh khác, tăng 60% so với thực hiện năm 2021.

(9) *Chi ngân sách xã*: Dự toán giao 30.566 triệu đồng, ước thực hiện 31.954 triệu đồng, đạt 105% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao và tăng 7% so với thực hiện năm 2021.

(10) *Chi khác ngân sách*: Dự toán giao 1.030 triệu đồng, ước thực hiện 1.030 triệu đồng, đạt 100% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao và bằng 67% so với thực hiện năm 2021.

c. Dự phòng ngân sách: Dự toán giao 6.391 triệu đồng (*trong đó: ngân sách thành phố 5.640 triệu đồng, ngân sách xã 751 triệu đồng*), ước thực hiện năm 2022 là 7.394 triệu đồng (*trong đó: dự phòng ngân sách thành phố 6.643 triệu đồng, bao gồm nguồn dự phòng ngân sách năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022, dự phòng ngân sách cấp xã 751 triệu đồng*).

2.2. Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia:

Năm 2022, thành phố được tỉnh giao kinh phí thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2026 với tổng số tiền là 13.086 triệu đồng. Ước thực hiện năm 2022 là 10.438 triệu đồng, đạt 80% so với dự toán giao, bao gồm:

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Dự toán giao 1.056 triệu đồng, ước thực hiện năm 2022 là 376 triệu đồng, đạt 35% so với dự toán giao.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Dự toán giao 4.054 triệu đồng, ước thực hiện năm 2022 là 3.975 triệu đồng, đạt 98% so với dự toán giao.

- Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Dự toán giao 7.406 triệu đồng, ước thực hiện năm 2022 là 6.087 triệu đồng, đạt 82% so với dự toán giao.

2.3. Chi chuyển trả ngân sách cấp trên nguồn kinh phí hết nhiệm vụ chi: ước thực hiện 739 triệu đồng

2.4. Chi chuyển nguồn: ước thực hiện 57.562 triệu đồng. Trong đó:

- Chi chuyển nguồn ngân sách nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương: 17.288 triệu đồng

- Chuyển nguồn vốn đầu tư (nguồn tạm ứng vốn đầu tư): 15.386 triệu đồng

- Nguồn thu sử dụng đất: 24.888 triệu đồng

(Chi tiết theo Phụ lục II kèm theo)

3. Công tác thu hồi nợ đọng thuế năm 2022

Tổng số tiền thuế nợ đến thời điểm 01/01/2022 là: 16.419 triệu đồng *(Trong đó: Nợ có khả năng thu là 6.244 triệu đồng; nợ khó thu là 9.771 triệu đồng; nợ chờ điều chỉnh là 404 triệu đồng; nợ chờ xử lý là 0 triệu đồng).*

- Nợ thuế phát sinh trong năm là 29.176 triệu đồng

- Tổng số thu nợ đọng thuế từ đầu năm tới thời điểm báo cáo là 25.537 triệu đồng

- Tổng số nợ thuế đến thời điểm báo cáo là 20.058 triệu đồng *(Trong đó: Nợ có khả năng thu 8.495tr đồng, nợ khó thu 10.476tr đồng, nợ chờ điều chỉnh 1.087tr đồng).*

4. Báo cáo tình hình thực hiện thu hồi theo kết luận của thanh tra, kiểm toán năm 2022

Trong năm, UBND thành phố đã nghiêm túc triển khai thực hiện các kiến nghị của thanh tra, Kiểm toán Nhà nước theo đúng các nội dung trong Thông báo kết luận; ban hành các văn bản chỉ đạo³ kịp thời để các cơ quan, đơn vị được kiểm toán nghiêm túc rút kinh nghiệm, chấn chỉnh trong công tác quản lý, điều hành, thu nộp NSNN các khoản chi sai quy định. Kết quả thực hiện các kiến nghị thu hồi nộp NSNN như sau:

- Tổng số kiến nghị phải thu hồi nộp NSNN theo kết luận thanh tra thành phố trong năm 2022 là: 615 triệu đồng, đến thời điểm báo cáo đã thu hồi nộp NSNN 288 triệu đồng, đạt 47% tổng số kiến nghị phải thu hồi.

- Tổng số kiến nghị phải thu hồi nộp NSNN theo kết luận kiểm toán nhà nước trong năm 2022 là: 375 triệu đồng *(trong đó: số kiến nghị chưa thực hiện những năm trước chuyển sang 90 triệu đồng, số kiến nghị phát sinh trong năm 2022 là 285 triệu đồng)*. Số đã thực hiện thu hồi nộp NSNN trong năm 2022 là 285 triệu đồng *(kiến nghị phát sinh trong năm 2022)*, đạt 76% tổng số kiến nghị phải thu hồi.

5. Đánh giá chung:

5.1. Ưu điểm

³ Công văn số 1094/UBND-TCKH ngày 16/5/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc đôn đốc thực hiện kết luận, kiến nghị của thanh tra Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước; Công văn số 1447/UBND-VP ngày 16/6/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc giao nhiệm vụ triển khai thực hiện Thông báo kết quả kiểm toán số 136/TB-KTNN ngày 12/5/2022 của KTNN; Công văn số 2024a/UBND-TCKH ngày 12/8/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của KTNN trên địa bàn thành phố Lai Châu; Công văn số 2439/UBND-TCKH ngày 28/9/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc đôn đốc thực hiện kết luận, kiến nghị của KTNN chưa thực hiện từ năm 2021 trở về trước.

- *Về công tác thu NSNN trên địa bàn:* Trong năm, UBND thành phố đã chỉ đạo quyết liệt nhiều biện pháp quản lý thu ngân sách; tăng cường công tác quản lý thu, thực hiện đồng bộ các giải pháp thu, tập trung đôn đốc thu nợ đọng thuế, phối hợp với Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước, các chủ đầu tư để thu hồi qua tài khoản của doanh nghiệp nợ thuế. Tổ chức kiểm tra kê khai thuế, quyết toán thuế của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào ngân sách Nhà nước. Tăng cường công tác kiểm tra chống thất thu, chống chuyển giá, xử lý hóa đơn bất hợp pháp, tuyên truyền, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong công tác kê khai, nộp thuế; Tuy nhiên, trong những tháng đầu năm tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, các hoạt động kinh tế thương mại, dịch vụ bị đình trệ, cùng với đó, Chính phủ đã ban hành các chính sách gia hạn thời gian nộp thuế, miễn giảm thuế đã tác động mạnh mẽ đến tình hình thu ngân sách trên địa bàn. Ước thực hiện năm 2022 thu trên địa bàn đạt 100% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao.

- *Về công tác chi ngân sách địa phương:* Công tác quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đảm bảo đúng Luật NSNN, sử dụng ngân sách đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả, đảm bảo cân đối thực hiện dự toán được giao.

Trong công tác quản lý vốn đầu tư, UBND thành phố đã chỉ đạo các chủ đầu tư thực hiện nghiêm Luật đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân nguồn vốn đầu tư công theo quy định, các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư, điều hành dự án đã thực hiện tuân thủ theo các nguyên tắc quản lý vốn đầu tư, thanh quyết toán theo đúng quy định

Các cơ quan, đơn vị đã chủ động tổ chức thực hiện dự toán, đúng nội dung dự toán giao; quản lý chặt chẽ các khoản chi đảm bảo thực hiện đúng chế độ chính sách, đúng dự toán được duyệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các biện pháp chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng; thực hiện triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, chi hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội nhất là đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng khác.

5.2. Tồn tại, hạn chế

Công tác thực hiện các dự án tạo quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất còn chậm nên đã ảnh hưởng đến tiến độ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Công tác thu hồi nợ đọng thuế được triển khai quyết liệt xong nợ đọng thuế vẫn còn cao.

5.3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

- Việc rà soát trình tự, thủ tục của các dự án tạo quỹ đất của chủ đầu tư còn chưa đảm bảo, một số dự án phải điều chỉnh nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án và tiến độ thu tiền đấu giá quyền sử dụng đất.

- Do hậu quả của dịch bệnh Covid-19 vẫn còn có tác động đến nền kinh tế, ảnh hưởng đến người dân và doanh nghiệp. Mặt khác, giá dầu tăng cao ảnh hưởng đến hầu hết các lĩnh vực, ngành kinh tế, sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, do đó, số nợ thuế còn ở mức cao.

6. Một số giải pháp chủ yếu nhằm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ NSNN năm 2022

Để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2022 đã được HĐND thành phố giao, bên cạnh việc tiếp tục tập trung thực hiện tốt các giải pháp đã đề ra theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Thành ủy, HĐND thành phố; thời gian còn lại trong năm 2022 cần chú trọng thực hiện một số giải pháp sau:

(1) Tiếp tục tập trung tháo gỡ, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc; cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện để doanh nghiệp phát triển, tăng thêm năng lực sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn thu bền vững cho ngân sách Nhà nước. Triển khai quyết liệt các giải pháp chống thất thu ngân sách, phấn đấu hoàn thành dự toán thu NSNN năm 2022, thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế, quyết toán thuế của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác vào ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh việc xử lý, thu hồi nợ đọng thuế, có các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp cố tình trây ỳ, chậm nộp thuế.

(2) Chỉ đạo tiếp tục tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Kế hoạch của UBND thành phố về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, số 02/NQ-CP ngày 01/01/2022 của Chính phủ, các Nghị quyết của HĐND thành phố; tập trung, nỗ lực tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã khôi phục phát triển sản xuất, phục hồi và phát triển kinh tế.

(3) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, quản lý chi tiêu đảm bảo tiết kiệm, chặt chẽ và hiệu quả, đảm bảo nguồn thực hiện các chế độ, chính sách và an sinh xã hội. Điều hành ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, chỉ bổ sung ngân sách đối với những nhiệm vụ phát sinh thật sự cấp bách. Các cơ quan, đơn vị đoàn thể, UBND các xã, phường tổ chức điều hành quản lý chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, đúng chế độ, chính sách quy định, chống lãng phí trong sử dụng ngân sách.

(4). Quyết liệt chỉ đạo và thực hiện có hiệu quả các dự án tạo quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất, kịp thời ban hành thông báo và hướng dẫn người trúng đấu giá quyền sử dụng đất thu nộp vào ngân sách nhà nước. Theo đó, chủ động, linh hoạt các biện pháp để giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công từ nguồn thu sử dụng đất năm 2022.

(5) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công khai và giám sát việc sử dụng NSNN; thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm toán; triệt để tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí và phòng, chống tham nhũng.

Phần thứ hai
DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH
VÀ PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NSDP NĂM 2023

Dự kiến kinh tế trong năm 2023 tiếp tục gặp nhiều khó khăn do năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức chống chịu và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao; bên cạnh đó, biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, thiên tai, dịch bệnh còn diễn biến khó lường sẽ tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế và ảnh hưởng trực tiếp đến thu, chi ngân sách địa phương.

Năm 2023 là năm có ý nghĩa quan trọng, là năm thứ ba thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng các cấp, thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Với dự báo tình hình chung về tình hình kinh tế - xã hội sẽ gặp nhiều khó khăn, thách thức nên thành phố xác định mục tiêu NSNN năm 2023 là: Tiếp tục phân bổ, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, thực hiện đầy đủ chính sách an sinh; tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách, triệt để tiết kiệm trong chi tiêu, sử dụng ngân sách.

Trên cơ sở đánh giá thu ngân sách năm 2022, dự kiến tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 đã được tỉnh thông báo; trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng ngành, lĩnh vực: UBND thành phố báo cáo dự toán thu ngân sách và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023 như sau:

I. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH

1. Thu ngân sách địa phương

Tổng thu ngân sách địa phương: 468.168 triệu đồng (*Bao gồm: Thu ngân sách trên địa bàn thành phố hưởng: 181.890 triệu đồng; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 286.278 triệu đồng*).

1.1. Thu NSNN trên địa bàn

Tổng thu NSNN trên địa bàn 207.000 triệu đồng, các chỉ tiêu thu ngân sách như sau:

- (1) Thu thuế ngoài quốc doanh: 38.150 triệu đồng
- (2) Lệ phí trước bạ: 26.000 triệu đồng
- (3) Thuế thu nhập cá nhân: 9.950 triệu đồng
- (4) Thu phí, lệ phí: 3.000 triệu đồng
 - Phí, lệ phí ngân sách Trung ương hưởng: 350 triệu đồng
 - Phí, lệ phí ngân sách thành phố hưởng: 2.224 triệu đồng
 - Phí, lệ phí ngân sách xã, phường hưởng: 426 triệu đồng
- (5) Thu tiền sử dụng đất: 116.800 triệu đồng
 - Ngân sách tỉnh hưởng: 23.360 triệu đồng
 - Ngân sách thành phố hưởng: 93.440 triệu đồng

(6) Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước: 10.000 triệu đồng

(7) Thu khác ngân sách: 3.000 triệu đồng

- Ngân sách TW hưởng: 1.350 triệu đồng

- Ngân sách tỉnh hưởng: 50 triệu đồng

- Ngân sách thành phố hưởng: 1.220 triệu đồng

- Ngân sách xã, phường hưởng: 380 triệu đồng

(8) Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích: 100 triệu đồng

1.2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 286.278 triệu đồng, (bao gồm:

Bổ sung cân đối 214.474 triệu đồng, Bổ sung có mục tiêu 71.804 triệu đồng).

2. Giao dự toán thu NSNN trên địa bàn

2.1. Ngân sách thành phố: 204.864 triệu đồng

2.2. Ngân sách xã, phường: 2.136 triệu đồng

- Phường Đoàn Kết: 460 triệu đồng

- Phường Tân Phong: 640 triệu đồng

- Phường Quyết Thắng: 100 triệu đồng

- Phường Quyết Tiến: 230 triệu đồng

- Phường Đông Phong: 465 triệu đồng

- Xã San Thành: 215 triệu đồng

- Xã Sùng Phái: 26 triệu đồng

(Chi tiết theo Phụ lục III, VI kèm theo)

II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Tổng chi ngân sách địa phương là 468.168 triệu đồng, cụ thể như sau:

1. Chi cân đối ngân sách địa phương: tổng chi cân đối NSDP là 453.666 triệu đồng, bao gồm:

1.1. Chi đầu tư phát triển: Dự toán 83.005 triệu đồng, chiếm 18% tổng chi ngân sách địa phương, trong đó:

- Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung: 20.766 triệu đồng.

- Nguồn vốn Đề án phát triển hạ tầng vùng SXNN hàng hóa tập trung: 10.739 triệu đồng.

- Nguồn thu sử dụng đất: 51.500 triệu đồng.

1.2. Chi thường xuyên: Dự toán 319.360 triệu đồng, chiếm 68,2% tổng chi ngân sách địa phương, chi tiết như sau:

(1) Chi sự nghiệp kinh tế: 64.300 triệu đồng, bao gồm:

- Chi sự nghiệp nông nghiệp: 2.310 triệu đồng

- Sự nghiệp giao thông: 1.000 triệu đồng

- Sự nghiệp thủy lợi: 3.000 triệu đồng

- Sự nghiệp kinh tế khác: 7.154 triệu đồng

- Hỗ trợ có mục tiêu: 46.089 triệu đồng

- Kinh phí thực hiện các Đề án, Nghị quyết của tỉnh: 1.692 triệu đồng⁴
- Chi từ nguồn thu sử dụng đất của thành phố năm 2023: 3.055 triệu đồng
 - + Kinh phí đo đạc bổ sung, đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, cấp GCNQSD đất ở, đất SXNN và đất nuôi trồng thủy sản tại một số khu vực trên địa bàn các xã, phường thành phố Lai Châu; Điều chỉnh quy hoạch SDD đến năm 2030; Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023: 3.000 triệu đồng
 - + Kinh phí thống kê đất đai năm 2022: 55 triệu đồng

(2) Chi sự nghiệp môi trường theo Nghị quyết 44/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh: 3.000 đồng.

(3) Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo: 170.444 triệu đồng, chiếm 36,4% tổng chi ngân sách địa phương. Trong đó:

- Chi sự nghiệp Giáo dục: 168.318 triệu đồng (Bao gồm các nội dung chi của biên chế sự nghiệp giáo dục, kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP, kinh phí thực hiện Nghị định 81/2021/NĐ-CP, hỗ trợ tiền nấu ăn tại các cơ sở giáo dục theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND, kinh phí hỗ trợ học tập cho học sinh dân tộc ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP, kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền ăn cho học sinh tiểu học, THCS các xã khu vực II không hưởng theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP theo Nghị quyết 10/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, kinh phí thực hiện chính sách đối với học sinh, sinh viên khuyết tật thuộc hộ nghèo và cận nghèo theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC, kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy và học cho giáo viên và học sinh các cấp học và thực hiện thí điểm mô hình lớp học thông minh và các khoản chi khác).

- Chi sự nghiệp đào tạo: 2.126 triệu đồng (Đã bao gồm các nội dung chi về chế độ tiền lương các khoản phụ cấp, chi hoạt động của Trung tâm Chính trị; các khoản kinh phí đào tạo mở lớp và các chính sách đào tạo thu hút theo quy định, kinh phí đầu tư cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy tại trung tâm).

(4) Chi sự nghiệp văn hoá - thông tin: Dự toán 2.196 triệu đồng, chiếm 0,5% tổng chi ngân sách địa phương (Đã bao gồm các nội dung chi: Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, kỷ niệm các ngày lễ lớn, văn hóa văn nghệ, tuần văn hóa du lịch, kinh phí Ban chỉ đạo Toàn dân ĐKXDĐSVH đô thị văn minh, kinh phí hỗ trợ hoạt động của đội văn nghệ thôn bản theo Kết luận 224-KL/TU ngày 18/10/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Đề án "Nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác tư tưởng Đảng bộ tỉnh" ...).

⁴ Bao gồm: Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025: 1.622 triệu đồng; Kinh phí thực hiện Nghị quyết 08/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025: 70 triệu đồng.

(5) Chi sự nghiệp thể thao: 680 triệu đồng, chiếm 0,15% tổng chi ngân sách địa phương (bao gồm các hoạt động thể dục thể thao thường xuyên và các hoạt động thể thao do các cấp, các ngành phát động).

(6) Chi sự nghiệp truyền thanh: Dự toán 1.900 triệu đồng, chiếm 0,4% tổng chi ngân sách địa phương (Đã bao gồm kinh phí xây dựng duy trì chuyên mục tuyên truyền, quảng bá sản phẩm OCOP trên địa bàn; KP sửa chữa, duy trì hệ thống truyền thanh không dây; kinh phí chi trả nhuận bút, tiền điện trạm phát sóng và các hoạt động đặc thù khác)

(7) Đảm bảo xã hội: Dự toán 7.557 triệu đồng, chiếm 1,6% tổng chi ngân sách địa phương (Đã bao gồm các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội Nghị định 20/2021/NĐ-CP; kinh phí thăm hỏi gia đình chính sách, hỗ trợ mai táng phí cho người có công; cấp thẻ BHYT cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người có công; hỗ trợ KP hoạt động, đại hội hội nạn nhân chất độc da cam và các khoản chi đảm bảo xã hội khác).

(8) Chi Quản lý hành chính: Dự toán 32.498 triệu đồng, chiếm 7% tổng chi ngân sách địa phương. Trong đó:

- Chi hoạt động Quản lý Nhà nước: 18.800 triệu đồng
- Chi Ngân sách Đảng: 9.457 triệu đồng
- Khối đoàn thể: 4.241 triệu đồng

(9) Chi An ninh - Quốc phòng: Dự toán 5.127 triệu đồng, chiếm 1,1% tổng chi ngân sách địa phương. Trong đó:

- Chi hỗ trợ An ninh địa phương: 1.519 triệu đồng (Đã bao gồm kinh phí hỗ trợ an ninh địa phương và kinh phí thực hiện Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 20/9/2022 của HĐND tỉnh)

- Chi Quốc phòng địa phương: 3.608 triệu đồng (Đã bao gồm kinh phí huấn luyện dân quân, tự vệ và dự bị động viên; kinh phí thực hiện các chế độ theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP; kinh phí diễn tập chiến đấu phòng thủ; kinh phí diễn tập phòng chống cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn; kinh phí thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương cấp xã).

(10) Chi ngân sách xã: Dự toán 30.678 triệu đồng, chiếm 6,6% tổng chi ngân sách địa phương (Đã đảm bảo toàn bộ các chính sách của công chức chuyên trách, phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách và các hoạt động của cấp uỷ, chính quyền, các đoàn thể, công tác hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, kinh phí đảm bảo thực hiện cuộc vận động của Ủy ban MTTQVN cấp xã theo Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND, kinh phí hỗ trợ Ban công tác Mặt trận các khu dân cư, kinh phí hội đồng giáo dục pháp luật, tuyên truyền phổ biến pháp luật, hoạt động tổ hoà giải cơ sở, kinh phí hỗ trợ người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, kinh phí thực hiện Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và các nhiệm vụ chi khác của ngân sách xã, phường).

(11) Chi khác ngân sách: Dự toán 980 triệu đồng, chiếm 0,2% tổng chi ngân sách địa phương (*Bao gồm kinh phí hoạt động Ban chỉ đạo công tác tôn giáo, quy chế dân chủ ở cơ sở, bổ sung quỹ hỗ trợ hội nông dân và hỗ trợ kinh phí hoạt động của các cơ quan, đơn vị ngành dọc thực hiện nhiệm vụ của địa phương*).

1.3. Dự phòng ngân sách: 6.472 triệu đồng. Trong đó:

- Dự phòng ngân sách thành phố: 5.732 triệu đồng

- Dự phòng ngân sách cấp xã: 740 triệu đồng

1.4. Tăng thu ngân sách năm 2022: 3.300 triệu đồng. Trong đó:

- 70% tăng thu để cải cách tiền lương theo quy định: 2.310 triệu đồng.

- 30% tăng thu để đầu tư và thực hiện các nhiệm vụ quan trọng theo quy định của Luật NSNN năm 2015: 990 triệu đồng.

1.5. Cân đối để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong năm: 2.644 triệu đồng.

1.6. Nguồn thu sử dụng đất năm 2023 chưa phân bổ: 38.885 triệu đồng.

2. Chi bổ sung có mục tiêu: Tổng chi bổ sung có mục tiêu là 14.502 triệu đồng, trong đó:

2.1. Chi thực hiện các chương trình MTQG: 9.872 triệu đồng

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (*Vốn đầu tư*): 3.244 triệu đồng

- Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi (*Vốn đầu tư*): 6.628 triệu đồng

2.2. KP thực hiện Nghị quyết số 59/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025: 4.630 triệu đồng

- Hỗ trợ một lần xây dựng địa điểm tổ chức các hoạt động trải nghiệm tìm hiểu văn hóa, thể thao đặc sắc dân tộc: 1.000 triệu đồng.

- Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng dọc đường nội bản, đường dạo tại điểm du lịch Bản San Thành, xã San Thành, thành phố Lai Châu: 500 triệu đồng.

- Cải tạo, nâng cấp đường nội bản, đường dạo tại điểm du lịch Bản San Thành, xã San Thành, thành phố Lai Châu: 2.500 triệu đồng.

- Tổ chức lớp truyền dạy ẩm thực dân tộc Giáy gắn với điểm du lịch cộng đồng bản San Thành, xã San Thành: 150 triệu đồng.

- Hỗ trợ cải tạo, sửa chữa nhà ở theo kiến trúc nhà ở truyền thống bản San Thành, xã San Thành: 320 triệu đồng.

- Kinh phí tổ chức lễ hội theo Nghị quyết 59/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh: 160 triệu đồng

(Chi tiết theo Phụ lục IV, V, VII kèm theo)

III. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN NĂM 2023

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ tài chính ngân sách năm 2023, quán triệt sâu sắc các định hướng, quan điểm, chủ trương theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Lai Châu lần thứ IV, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 và tiếp tục triển khai có hiệu quả các Đề án, Nghị quyết chuyên đề của Đảng bộ, HĐND thành phố, các Kết luận của Thành ủy. Thành phố cần tập trung tổ chức thực hiện các nhóm giải pháp trọng tâm sau:

1. Về thu ngân sách:

1.1. Tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế, cá nhân tham gia các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ trên địa bàn, tạo nguồn thu và nuôi dưỡng nguồn thu; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn, kịp thời thanh toán vốn đầu tư và thu thuế xây dựng cơ bản vào NSNN.

1.2. Tổ chức thực hiện tốt các Luật thuế và nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, chống thất thu, ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất kinh doanh hàng giả, kê khai thuế không đầy đủ, trốn thuế, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, gian lận, trốn thuế.

1.3. Tổ chức tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật về thuế, phí, lệ phí để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hiểu rõ về quyền lợi, nghĩa vụ nộp thuế của mình; hỗ trợ tư vấn pháp luật về thuế cho cộng đồng xã hội, đặc biệt là các dịch vụ hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân nộp thuế. Nâng cao hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính thuế nhằm giảm thời gian, chi phí cho người nộp thuế, tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể sản xuất kinh doanh phát triển.

1.4. Quản lý tốt nguồn thu, theo dõi đầy đủ nợ đọng thuế, tập trung quyết liệt các giải pháp thu nợ đọng thuế, rà soát, kiểm tra phân loại nợ đọng thuế để có biện pháp đôn đốc thu và xử lý kịp thời; khai thác tốt các nguồn thu và thu đúng, thu đủ vào NSNN. Thực hiện tốt quy chế phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác thu ngân sách và xử lý nghiêm các vi phạm về thuế.

1.5. Chi cục thuế chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, phường rà soát danh sách các hộ kinh doanh để kê khai doanh thu đồng thời tuyên truyền các hộ kinh doanh thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước; tiếp tục rà soát các hộ gia đình được giao đất TĐC, các hộ dân được cấp giấy chứng nhận QSD đất để tổ chức tuyên truyền, vận động, đôn đốc thu nộp NSNN theo đúng quy định. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, đôn đốc thu kịp thời các khoản phải thu theo kiến nghị, kết luận của thanh tra, kiểm toán. Tập trung xử lý thu hồi nợ đọng thuế theo quy định

2. Về chi ngân sách

2.1. Về chi thường xuyên: Điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán được giao; quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên được giao theo đúng dự toán, đúng chính sách chế độ, tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên của từng cơ quan, đơn vị, xã, phường, giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo. Thực hiện nghiêm túc Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật phòng, chống tham nhũng.

- Tiếp tục thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách xã hội, các chính sách đối với người có công, hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, các đối tượng hưởng chính sách xã hội.

- Trên cơ sở dự toán được giao, các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường chủ động xây dựng kế hoạch để thực hiện các nhiệm vụ trong năm. Hạn chế tối đa các khoản chi phát sinh phải bổ sung dự toán từ ngân sách, trừ các trường hợp thực hiện chế độ, chính sách, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng ngân sách hiệu quả, tiết kiệm; thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng tài sản công; Thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên (*sau khi đã loại trừ tiền lương và các chính sách theo quy định*) để tạo nguồn cải cách tiền lương. Thực hiện nghiêm chế độ công khai tài chính, ngân sách đối với tất cả các nguồn vốn từ NSNN và nguồn vốn huy động đóng góp, công khai mua sắm tài sản công theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước, phát hiện và xử lý kịp thời những sai phạm.

2.2. Về chi đầu tư

- Thực hiện nghiêm túc Luật đầu tư công và các quy định về quản lý vốn đầu tư nguồn NSNN. Thực hiện kỷ cương, kỷ luật trong lĩnh vực đầu tư công đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả; rà soát, sắp xếp danh mục các công trình, dự án đầu tư phù hợp với khả năng cân đối của nguồn vốn, bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp, hạn chế các dự án khởi công mới, không để nợ đọng vốn đầu tư.

- Chủ động giải quyết những vướng mắc khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng đảm bảo tiến độ xây dựng công trình. Thực hiện việc tạm ứng vốn công trình và hoàn ứng theo đúng quy định, tổ chức nghiệm thu khối lượng

theo từng giai đoạn đảm bảo tiến độ giải ngân và thanh toán khối lượng hoàn thành để thanh toán thu hồi tạm ứng.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong đầu tư xây dựng cơ bản, xử lý kịp thời những sai phạm trong quản lý, thanh toán vốn đầu tư.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao phòng Tài chính - Kế hoạch tổ chức thực hiện dự toán, đảm bảo cân đối ngân sách theo dự toán được giao; làm tốt công tác tham mưu trong quản lý, điều hành ngân sách theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

2. Chi cục Thuế khu vực thành phố Lai Châu - Tam Đường tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn ngay từ đầu năm, quản lý, khai thác tốt các nguồn thu đồng thời tăng cường công tác kiểm tra chống thất thu ngân sách, tích cực đôn đốc thu nợ đọng thuế, phấn đấu đạt và vượt kế hoạch giao.

3. UBND các xã, phường có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn đúng quy định, hoàn thành và vượt chỉ tiêu giao thu. Trong trường hợp thu không đạt dự toán thì UBND các xã, phường phải cân đối lại dự toán và giám chi hành chính tương ứng, UBND thành phố không thực hiện điều chỉnh giảm thu và cấp bù chi.

4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, phường cần nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước theo đúng quy định; quản lý chặt chẽ và sử dụng các khoản huy động đóng góp của nhân dân đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, thực hiện công khai đầy đủ theo quy định.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2022; Dự toán thu ngân sách và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023, UBND thành phố trình kỳ họp thứ chín, HĐND thành phố khóa IV, nhiệm kỳ 2021 - 2026./.

Nơi nhận:

- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các PCT. UBND thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- Các Đại biểu HĐND thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể thành phố;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Hữu Cam

DANH MỤC PHỤ LỤC
ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NSDP NĂM 2022
VÀ DỰ TOÁN THU, CHI NSDP NĂM 2023

STT	Nội dung
<u>Phần I</u>	<u>Đánh giá tình hình thực hiện thu, chi NSDP năm 2022</u>
Phụ lục I	Báo cáo tình hình thực hiện thu ngân sách địa phương năm 2022
Phụ lục II	Báo cáo tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách địa phương năm 2022
<u>Phần II</u>	<u>Dự toán và phân bổ dự toán thu, chi NSDP năm 2023</u>
Phụ lục III	Biểu giao dự toán thu ngân sách địa phương năm 2023
Phụ lục IV	Biểu tổng hợp dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023
Phụ lục V	Biểu chi tiết dự toán chi ngân sách cấp thành phố năm 2023
Phụ lục VI	Biểu chi tiết dự toán thu ngân sách xã, phường năm 2023
Phụ lục VII	Biểu chi tiết dự toán chi ngân sách xã, phường năm 2023
Phụ lục VIII	Biểu chi tiết kinh phí mua sắm tài sản năm 2023

Phụ lục I

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022(Kèm theo Báo cáo số: 3184 /BC-UBND ngày 05/12 / 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao	Nghị quyết HĐND thành phố giao	Ước thực hiện năm 2022	So sánh TH/KH giao	
					% KH tỉnh giao	% KH thành phố giao
	TỔNG THU NS ĐỊA PHƯƠNG	417.792	423.792	543.719	130%	128%
A	THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	180.000	186.000	186.172	103%	100%
	<i>Thu NSNN trên địa bàn thành phố hương</i>	<i>159.850</i>	<i>165.850</i>	<i>165.850</i>	<i>104%</i>	<i>100%</i>
1	Thu từ khu vực NQD	40.000	45.000	39.370	98%	87%
2	Lệ phí trước bạ	26.000	27.000	27.000	104%	100%
3	Thuế thu nhập cá nhân	8.500	8.500	8.500	100%	100%
4	Thu phí, lệ phí	3.000	3.000	3.000	100%	100%
	- Phí, lệ phí Trung ương hương	250	250	600		
	- NS tỉnh hương	500	500			
	- Ngân sách thành phố hương	2.250	1.929	1.950		
	- Ngân sách xã, phường hương		321	450		
5	Thu tiền sử dụng đất	90.000	90.000	90.000	100%	100%
	- Ngân sách Tỉnh hương	18.000	18.000	18.000		
	- Ngân sách thành phố hương	72.000	72.000	72.000		
6	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	9.500	9.500	9.500	100%	100%
7	Thu khác ngân sách	3.000	3.000	8.790	293%	293%
	- Ngân sách Trung ương hương			1.710		
	- Ngân sách Tỉnh hương	1.400	1.400			
	- Ngân sách thành phố hương	1.600	1.171	6.950		
	- Ngân sách xã, phường hương		429	130		
8	Thu từ DN do địa phương quản lý			12		
	- Ngân sách TW, Tỉnh hương			12		
B	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	257.942	257.942	284.017	110%	110%
1	Thu bổ sung cân đối	195.214	195.214	195.214		
2	Thu bổ sung có mục tiêu	62.728	62.728	88.803		
C	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH			739		
D	THU CHUYỂN NGUỒN NS			93.113		



BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022
(Kèm theo Báo cáo số: 8/84 /BC-UBND ngày 05/12 / 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

Phụ lục II

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	HDND thành phố quyết định	Ước thực hiện năm 2022	So sánh		Ghi chú
				Ước thực hiện năm 2022/KH tỉnh giao	Ước thực hiện năm 2022/KH TP giao	
TỔNG CHI NGÂN SÁCH						
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	423.792	505.523	121%	119%	
I	Chi đầu tư phát triển	423.792	436.784	105%	103%	
1	Chi XDCB tập trung	64.337	92.593	101%	144%	
2	Chi đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	19.847	27.695	140%	140%	
3	Nguồn thu XSKT thực hiện chương trình MTOG xây dựng NTM	44.490	54.950	76%	124%	
4	Nguồn vốn tỉnh khen thưởng công trình phức lợi đề thực hiện chương trình xây dựng NTM		263			
5	Nguồn vốn tăng thu NS năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022		2.156			
6	Nguồn vốn tỉnh bổ sung thực hiện đề án 04		1.864			
	Nguồn vốn tỉnh bổ sung thực hiện Nghị quyết 59/2021/NQ-HĐND tỉnh		2.665			
II	Chi thường xuyên	317.229	336.797	105%	106%	
1	Chi sự nghiệp kinh tế	71.067	81.862	115%	115%	
1.1	Theo định mức	13.713	13.713	90%	100%	
1.1.1	Sự nghiệp nông nghiệp	3.754	3.474	88%	93%	
	Trong đó: - Hỗ trợ SXNN theo Quyết định 29/2016/QĐ-UBND và Quyết định 04/2020/QĐ-UBND	1.539	1.197			
	- Kinh phí KNKL + Mô hình	400	400			
1.1.2	Sự nghiệp giao thông	600	591	59%	99%	
1.1.3	Sự nghiệp thủy lợi	3.000	3.000	100%	100%	
1.1.4	Sự nghiệp kinh tế khác	6.359	6.648	91%	105%	
1.2	Hỗ trợ có mục tiêu	54.314	56.649	106%	104%	
	- Hoạt động sự nghiệp môi trường	20.000	19.446			
	- Kinh phí chăm sóc cây xanh	14.000	13.800			
	- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	976	976			

STT	Nội dung	HĐND thành phố quyết định	Ước thực hiện năm 2022	So sánh		Ghi chú
				Ước thực hiện năm 2022/KH tỉnh giao	Ước thực hiện năm 2022/KH TP giao	
	- Kinh phí thực hiện dịch vụ công ích thủy lợi	1.022	1.022			
	- Kinh phí vận hành, sửa chữa và điện chiếu sáng đô thị	8.000	7.890			
	- Kinh phí lát vỉa hè, nạo vét công rãnh	3.000	3.000			
	- Kinh phí lập KH sử dụng đất năm 2022; thống kê, kiểm kê đất đai lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2021; đo đạc, lập cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận QSD đất, quy hoạch sử dụng đất và kiểm kê đất đai (nguồn thu sử dụng đất năm 2022)	1.116	1.116			
	- Hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới	2.000	2.000			
	- Hỗ trợ kinh phí sửa chữa các công trình giao thông, chỉnh trang đô thị, sửa chữa trụ sở	4.200	4.200			
	- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát động Lễ trồng cây năm 2022		540			
	- KP lập đồ án quy hoạch chi tiết cây xanh đô thị một số khu vực và tuyến đường trên địa bàn thành phố Lai Châu		2.200			
	+ KP khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ		459			
1.3	Chi thực hiện các dự án tạo quỹ đất từ nguồn thu sử dụng đất năm 2021 chuyển sang 2022		8.845			
	+ Bổ trí kinh phí chi phí thực hiện dự án Phát triển quỹ đất để cấp TĐC và đấu giá QSD đất khu số 2B, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu (Dự án đã đấu giá và nộp NSNN theo quy định)		7.438			
	+ Bổ trí kinh phí thực hiện dự án Tạo quỹ đất sạch cấp TĐC và đấu giá QSD đất lô 2A-1 tại KDC số 2B, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu (Dự án đã đấu giá và nộp NSNN năm 2021)		1.118			
	+ KP tổ chức thực hiện đấu giá QSD đất ở đô thị, trích đo địa chính khu đất cắm cọc chia lô		289			
1.4	Kinh phí thực hiện các Đề án, Nghị quyết	3.040	2.655	87%	87%	
	- Bổ sung kinh phí hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo QĐ 29/2016/QĐ-UBND và Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND	385	-			

STT	Nội dung	HBND thành phố quyết định	Ước thực hiện năm 2022	So sánh		Ghi chú
				Ước thực hiện năm 2022/KH tỉnh giao	Ước thực hiện năm 2022/KH TP giao	
	- Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HBND ngày 22/3/2021 của HBND tỉnh quy định chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025	2.655	2.655			
2	Chi sự nghiệp môi trường theo Nghị quyết số 44/2020/NQ-HBND ngày 13/12/2020 của HBND tỉnh	3.000	2.651	88%	88%	
3	Chi sự nghiệp Giáo dục - đào tạo	161.736	162.333	100%	100%	
3.1	Chi sự nghiệp giáo dục	159.537	160.333	100%	100%	
3.1.1	Phòng giáo dục & Đào tạo	158.367	159.173			
	<i>Trong đó đã bao gồm:</i>					
	- KP thực hiện ND 116	697	467			
	- KP thực hiện chính sách hỗ trợ tiền ăn cho học sinh tiểu học, THCS các xã khu vực II không hưởng theo ND 116/2016/ND-CP theo NQ 10/2020/NQ-HBND	526	136			
	- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho trẻ 3-5 tuổi theo ND 105/2020/ND-CP	189	226			
	- Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo ND 81/2021/ND-CP	386	982			
	- Chính sách hỗ trợ trẻ em 24-36 tháng tuổi theo NQ số 11/2020/NQ-HBND	40	38			
	- Kinh phí thực hiện chính sách đối với học sinh, sinh viên khuyết tật thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo TT liên tịch số 42/2013/TTL.T-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	106	34			
	- Kinh phí hỗ trợ học tập cho học sinh dân tộc ít người theo Nghị định số 57/2017/ND-CP	252	292			
	- KP hỗ trợ tiền nấu ăn tại các cơ sở giáo dục theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HBND	843	608			
	- KP thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo ND số 108/2014/ND-CP, ND số 113/2018/ND-CP, ND số 143/2020/ND-CP		432			
	- Hỗ trợ kinh phí sửa chữa, mua sắm trang thiết bị trường chuẩn quốc gia, duy trì trường chuẩn và cơ sở vật chất các trường học thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới	6.490	6.490			
	- KP thực hiện kế hoạch thi điểm mô hình lớp học thông minh trên địa bàn thành phố Lai Châu		510			

STT	Nội dung	HĐND thành phố quyết định	Ước thực hiện năm 2022	So sánh		Ghi chú
				Ước thực hiện năm 2022/KH tỉnh giao	Ước thực hiện năm 2022/KH TP giao	
	- Hỗ trợ KP đảm bảo các điều kiện tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, Tin học cho học sinh lớp 3 năm học 2022-2023		700			
3.1.2	Phòng Nội vụ	1.150	1.150			
3.1.3	Phòng Lao động - TB&XH	20	10			
3.2	Sự nghiệp đào tạo	2.199	2.000	88%	91%	
	- Kinh phí hoạt động Trung tâm Chính trị	411	408			
	- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng	1.217	959			
	- Kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn	571	633			
	+ <i>Phòng Lao động TB&XH</i>	571	633			
4	Sự nghiệp văn hoá - thông tin, thể thao	2.710	3.084	103%	114%	
4.1	Sự nghiệp văn hoá	2.090	2.474	107%	118%	
4.1.1	Phòng Văn hoá và thông tin	30	30			
4.1.2	Ủy ban MTTQ thành phố (<i>KP ban chỉ đạo TĐĐKXD ĐSVH đô thị văn minh</i>)	10	10			
4.1.3	Trung tâm văn hóa, thể thao, truyền thông thành phố	1.837	2.221			
4.1.4	Kinh phí thực hiện Đề án 241-QĐ/TU về nâng cao hiệu quả chất lượng công tác tư tưởng Đảng bộ tỉnh	213	213			
4.2	Sự nghiệp thể thao	620	610	90%	98%	
5	Sự nghiệp truyền thanh	2.606	2.618	100%	100%	
6	Đảm bảo xã hội	5.703	6.447	113%	113%	
6.1	Phòng Lao động - TB&XH	5.297	6.013			
	- Kinh phí thực hiện Nghị định 20/2021/NĐ-CP	3.537	4.242			
	- Thăm hỏi GD chính sách; hỗ trợ mai táng phí cho Người có công; KP tổ chức kỷ niệm 75 năm ngày TBLS	300	300			
	- Cấp thẻ BHYT cho đối tượng bảo trợ xã hội và người có công	904	933			
	- KP chi trả trợ cấp hàng tháng qua hệ thống bưu điện	106	98			
	- Cứu trợ XH, các hoạt động XH khác	450	440			
6.2	Kinh phí mừng thọ các cụ theo QĐ 27, chăm sóc người cao tuổi	164	164			
6.3	Hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo xã hội cấp xã, phường	70	37			
6.4	KP thăm hỏi đối với một số đối tượng do Ủy ban MTTQ thành phố thực hiện	50	50			

STT	Nội dung	HĐND thành phố quyết định	Ước thực hiện năm 2022	So sánh		Ghi chú
				Ước thực hiện năm 2022/KH tỉnh giao	Ước thực hiện năm 2022/KH TP giao	
6.5	Kinh phí thực hiện chính sách tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội	122	183			
7	Chi Quản lý hành chính	33.385	36.032	103%	108%	
7.1	Quản lý nhà nước	19.746	22.344			
7.2	Chi ngân sách Đảng	9.485	9.501			
7.3	Đoàn thể	4.154	4.187			
8	Chi an ninh - Quốc phòng	5.426	8.786	169%	162%	
8.1	Chi hỗ trợ an ninh địa phương	800	1.716			
8.2	Quốc phòng địa phương	4.626	7.070			
9	Chi ngân sách xã	30.566	31.954	104%	105%	
10	Chi khác ngân sách	1.030	1.030	88%	100%	
	- Hỗ trợ kinh phí BCD công tác tôn giáo, Ban chỉ đạo quy chế dân chủ	170	170			
	- Hỗ trợ công tác thu ngân sách	350	350			
	- Bổ sung quỹ hỗ trợ nông dân	300	300			
	- Hỗ trợ kinh phí hoạt động các cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương đóng trên địa bàn thực hiện nhiệm vụ của địa phương	210	210			
III	Dự phòng ngân sách	6.391	7.394			
1	Ngân sách thành phố	5.640	6.643			
2	Dự phòng ngân sách xã, phường	751	751			
V	Tăng thu ngân sách 2022	6.000				
VI	Cần đối để thực hiện các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm	3.441				
VII	Nguồn thu sử dụng đất năm 2022 chưa phân bổ	26.394				Dã phân bổ vào các lĩnh vực chi tương ứng
B	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU		10.438			
I	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững		376			
1	<i>Vốn đầu tư</i>		-			
2	<i>Vốn sự nghiệp</i>		376			
-	UBND xã Sùng Phái		311			
	+ Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo		179			
	+ Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế		132			

STT	Nội dung	HĐND thành phố quyết định	Ước thực hiện năm 2022	So sánh		Ghi chú
				Ước thực hiện năm 2022/KH tỉnh giao	Ước thực hiện năm 2022/KH TP giao	
-	Phòng Lao động - TB&XH		65			
II	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		3.975			
I	Vốn đầu tư		2.484			
-	UBND xã Sùng Phài		2.484			
2	Vốn sự nghiệp		1.491			
-	Phòng Kinh tế		100			
-	UBND xã Sùng Phài		1.090			
-	UBND xã San Thàng		301			
III	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		6.087			
1	Vốn đầu tư		4.576			
-	UBND xã Sùng Phài		3.057			
-	Ban QLDA		1.519			
2	Vốn sự nghiệp		1.511			
-	UBND xã Sùng Phài		866			
-	Phòng Giáo dục và Đào tạo		252			
-	Phòng Lao động - TB&XH		263			
-	Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố		47			
-	Văn phòng HĐND-UBND		83			
C	CHI HOÀN TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		739			
D	CHI CHUYỂN NGUỒN (Nguồn thực hiện CCTL)		57.562			
1	Nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		17.288			
2	Nguồn thu sử dụng đất năm 2021 chuyển sang		24.888			
3	Nguồn vốn đầu tư năm 2021 chuyển nguồn sang (vốn tạm ứng)		15.386			

Phụ lục III

BIỂU GIAO DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 3184/BC-UBND ngày 05 / 10 / 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN GIAO	CHIA RA	
			NS THÀNH PHỐ	NS XÃ, PHƯỜNG
	TỔNG THU NS ĐỊA PHƯƠNG	468.168	466.560	39.153
A	THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	207.000	204.864	2.136
	<i>Thu NSNN trên địa bàn địa phương được hưởng theo phân cấp</i>	<i>181.890</i>	<i>180.282</i>	<i>1.608</i>
	<i>Thu cân đối không bao gồm thu tiền sử dụng đất</i>	<i>88.450</i>	<i>86.842</i>	<i>1.608</i>
1	Thu từ khu vực NQD	38.150	38.150	
2	Lệ phí trước bạ	26.000	24.854	1.146
	- Ngân sách thành phố hưởng	25.198	24.854	344
	- Ngân sách xã, phường hưởng	802		802
3	Thuế thu nhập cá nhân	9.950	9.950	
4	Thu phí, lệ phí	3.000	2.390	610
	- Phí, lệ phí Trung ương hưởng	350	350	
	- Ngân sách thành phố hưởng	2.224	2.040	184
	- Ngân sách xã, phường hưởng	426		426
5	Thu tiền sử dụng đất	116.800	116.800	
	- Ngân sách Tỉnh hưởng	23.360	23.360	
	- Ngân sách thành phố hưởng	93.440	93.440	
6	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	10.000	10.000	
7	Thu khác ngân sách	3.000	2.620	380
	- Ngân sách Trung ương hưởng	1.350	1.350	
	- Ngân sách Tỉnh hưởng	50	50	
	- Ngân sách thành phố hưởng	1.220	1.220	
	- Ngân sách xã, phường hưởng	380		380
8	Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích	100	100	
B	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	286.278	286.278	37.545
1	Thu bổ sung cân đối	214.474	214.474	37.065
2	Thu bổ sung có mục tiêu	71.804	71.804	480

1000

Phụ lục IV

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 3184 /BC-UBND ngày 05/12 / 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao	Chia ra		Ghi chú
			NS thành phố	NS xã, phường	
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	468.168	429.015	39.153	
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	453.666	414.993	38.673	
I	Chi đầu tư phát triển	83.005	83.005	-	
1	Nguồn vốn XDCB tập trung và các nguồn vốn hợp pháp khác	20.766	20.766		
2	Nguồn vốn Đề án phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung	10.739	10.739		
3	Nguồn vốn thu sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác	51.500	51.500		
II	Chi thường xuyên	319.360	281.427	37.933	
1	Chi sự nghiệp kinh tế	64.300	60.720	3.580	
1.1	Theo định mức 7% chi thường xuyên	13.464	12.314	1.150	
	- Sự nghiệp nông nghiệp	2.310	2.310	-	
	- Sự nghiệp giao thông	1.000	-	1.000	
	- Sự nghiệp thủy lợi	3.000	3.000		
	- Sự nghiệp kinh tế khác	7.154	7.004	150	
1.2	Hỗ trợ có mục tiêu	46.089	43.659	2.430	
	- Hoạt động sự nghiệp môi trường	18.000	18.000	-	
	- Kinh phí chăm sóc cây xanh đô thị	14.000	14.000		
	- Kinh phí phát động lễ trồng cây tại Thành phố Lai Châu	300	300		
	- KP thực hiện chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	606	606	-	
	- KP hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	983	983		
	- KP sửa chữa, vận hành điện và tiền điện chiếu sáng	8.000	8.000	-	
	- Kinh phí thực hiện sửa chữa các công trình giao thông, nước sinh hoạt, chỉnh trang đô thị, sửa chữa trụ sở	4.200	1.770	2.430	
1.3	Kinh phí thực hiện các Đề án, Nghị quyết	1.692	1.692	-	
	- Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025	1.622	1.622		
	- Kinh phí thực hiện Nghị quyết 08/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025	70	70		
1.4	Chi từ nguồn thu sử dụng đất của thành phố năm 2023	3.055	3.055	-	
	- Kinh phí đo đạc bổ sung, đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, cấp GCNQSD đất ở, đất SXNN và đất nuôi trồng thủy sản tại một số khu vực trên địa bàn các xã, phường thành phố Lai Châu	3.000	3.000		
	- Kinh phí thống kê đất đai năm 2022	55	55		
2	Chi sự nghiệp môi trường	3.000	2.245	755	
	+ KP thực hiện nhiệm vụ sự nghiệp môi trường cấp xã	755	-	755	
	+ Phòng Kinh tế	300	300	-	
	+ Phòng Tài nguyên và Môi trường	1.945	1.945		
3	Chi sự nghiệp Giáo dục - đào tạo	170.444	170.444	-	
3.1	Chi sự nghiệp giáo dục	168.318	168.318	-	
3.1.1	Phòng Giáo dục và Đào tạo	166.798	166.798		

STT	Nội dung	Dự toán giao	Chia ra		Ghi chú
			NS thành phố	NS xã, phường	
3.1.2	Phòng Nội vụ	1.500	1.500		
3.1.3	Phòng Lao động TBXH	20	20		
3.2	Sự nghiệp đào tạo	2.126	2.126	-	
4	Sự nghiệp văn hoá - thông tin	2.196	1.977	219	
	- Trung tâm văn hóa, thể thao, truyền thông	1.977	1.977		
	- Kinh phí hỗ trợ hoạt động của đội văn nghệ thôn bản theo Kết luận 224-KL/TU ngày 18/10/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Đề án "Nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác tư tưởng Đảng bộ tỉnh"	219	-	219	
5	Sự nghiệp thể thao	680	680	-	
	- Trung tâm văn hóa, thể thao, truyền thông	630	630		
	- Kinh phí tổ chức giải cầu lông CBCNVC thành phố	50	50		
6	Sự nghiệp truyền thanh	1.900	1.900		
	<i>Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông</i>	1.900	1.900		
7	Đảm bảo xã hội	7.557	7.307	250	
	- Phòng Lao động - TB&XH	7.257	7.257	-	
	- Hỗ trợ KP thực hiện nhiệm vụ đảm bảo xã hội cấp xã, phường	70	-	70	
	- Kinh phí thăm hỏi đối với một số đối tượng do Ủy ban MTTQ thành phố thực hiện	50	50		
	- Kinh phí mừng thọ, chăm sóc người cao tuổi	180	-	180	
8	Chi Quản lý hành chính	32.498	31.537	961	
8.1	Quản lý nhà nước	18.800	18.800	-	
8.2	Chi ngân sách Đảng	9.457	8.496	961	
8.3	Đoàn thể	4.241	4.241	-	
9	Chi an ninh - Quốc phòng	5.127	3.283	1.844	
9.1	Chi hỗ trợ an ninh địa phương	1.519	800	719	
	+ Công an thành phố	800	800		
	+ Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 20/9/2022 của HĐND tỉnh	719	-	719	
9.2	Quốc phòng địa phương	3.608	2.483	1.125	
	+ Chi hỗ trợ quốc phòng địa phương	800	800		
	+ Kinh phí huấn luyện dân quân, tự vệ và dự bị động viên	1.100	1.100		
	+ Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm của DQTV theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP	583	583		
	+ KP thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương cấp xã	855	-	855	
	+ Kinh phí diễn tập chiến đấu phòng thủ	200	-	200	
	+ Kinh phí diễn tập phòng chống cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn	70	-	70	
10	Chi ngân sách xã	30.678	444	30.234	
	+ UBND phường Đoàn Kết	4.522		4.522	
	+ UBND phường Tân Phong	4.918		4.918	
	+ UBND phường Quyết Thắng	3.880		3.880	
	+ UBND phường Quyết Tiến	4.057		4.057	
	+ UBND phường Đông Phong	4.263		4.263	
	+ UBND xã San Thành	4.060		4.060	
	+ UBND xã Sùng Phái	4.534		4.534	

STT	Nội dung	Dự toán giao	Chia ra		Ghi chú
			NS thành phố	NS xã, phường	
	+) Kinh phí mua sắm tài sản (Thuộc danh mục mua sắm tập trung tại tỉnh)	444	444		
II	Chi khác ngân sách	980	890	90	
	- Hỗ trợ Kinh phí Ban chỉ đạo Công tác tôn giáo, Ban chỉ đạo quy chế dân chủ	170	80	90	
	- Hỗ trợ công tác thu ngân sách	300	300		
	- Bổ sung quỹ hỗ trợ nông dân	300	300		
	- Hỗ trợ kinh phí hoạt động các cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương đóng trên địa bàn thực hiện nhiệm vụ của địa phương	210	210	-	
III	Dự phòng ngân sách	6.472	5.732	740	
1	Ngân sách thành phố	5.732	5.732		
2	Dự phòng ngân sách xã, phường	740	-	740	
IV	Tăng thu ngân sách 2022	3.300	3.300	-	
	- 70% tăng thu để CCTL theo quy định	2.310	2.310		
	- Kinh phí tăng thu để các nhiệm vụ quan trọng theo quy định của Luật NSNN năm 2015	990	990		
V	Cân đối để thực hiện các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm	2.644	2.644		
VI	Nguồn thu sử dụng đất năm 2023 chưa phân bổ	38.885	38.885		
B	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	14.502	14.022	480	
I	Vốn thực hiện các Chương trình MTQG	9.872	9.872	-	
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	3.244	3.244	-	
	Vốn đầu tư	3.244	3.244		
2	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng Đồng bào DTTS và miền núi	6.628	6.628	-	
	Vốn đầu tư	6.628	6.628		
II	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 59/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025	4.630	4.150	480	
1	Hỗ trợ một lần xây dựng địa điểm tổ chức các hoạt động trải nghiệm tìm hiểu văn hóa, thể thao đặc sắc dân tộc	1.000	1.000		
2	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng dọc đường nội bản, đường dạo tại điểm du lịch Bản San Thàng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu	500	500		
3	Cải tạo, nâng cấp đường nội bản, đường dạo tại điểm du lịch Bản San Thàng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu	2.500	2.500		
4	Tổ chức lớp truyền dạy âm thực dân tộc Giáy gắn với điểm du lịch cộng đồng bản San Thàng, xã San Thàng	150	150		
5	Hỗ trợ cải tạo, sửa chữa nhà ở theo kiến trúc nhà ở truyền thống bản San Thàng, xã San Thàng	320		320	
6	Kinh phí tổ chức lễ hội theo Nghị quyết 59/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	160	-	160	



Phụ lục V

BIỂU CHI TIẾT DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 3185/BC-UBND ngày 05 / 12 / 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Nội dung	NS thành phố	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	429.015	
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	414.993	
I	Chi đầu tư phát triển	83.005	
1	Nguồn vốn XDCB tập trung và các nguồn vốn hợp pháp khác	20.766	
2	Nguồn vốn Đề án phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung	10.739	
3	Nguồn vốn thu sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác	51.500	
II	Chi thường xuyên	281.427	
1	Chi sự nghiệp kinh tế	60.720	
1.1	Theo định mức 7% chi thường xuyên	12.314	
	- Sự nghiệp nông nghiệp	2.310	
	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	2.310	Bao gồm quỹ lương 1.730trđ; chi hành chính 180trđ; KP thực hiện mô hình KNKL 400trđ
	- Sự nghiệp thủy lợi	3.000	Phòng Kinh tế
	+ Sửa chữa nâng cấp thủy lợi bản Cư Nhà La xã Sùng Phài	1.385	Công trình có tổng dự toán 4.800 trđ, đã bố trí dự toán 3.200 trđ; kinh phí bố trí 1.385 trđ
	+ Sửa chữa, nâng cấp thủy lợi Suối Thầu xã Sùng Phài	1.615	Công trình có tổng dự toán 4.600 trđ, đã bố trí dự toán 2.476 trđ; kinh phí bố trí 1.615 trđ
	- Sự nghiệp kinh tế khác	7.004	
	+ Kinh phí điện chiếu sáng	800	Phòng QLDT
	+ Đội QLTT đô thị	1.519	Bao gồm quỹ lương: 937trđ; lương hợp đồng 75trđ; chi hành chính: 130trđ; trang phục: 37trđ; chi xăng xe, bảo hiểm, sửa chữa xe, các khoản chi khác: 220trđ; KP quản lý trật tự đô thị: 120trđ
	+ Trung tâm phát triển quỹ đất	846	Bao gồm quỹ lương 756trđ; chi hành chính 90trđ
	+ Hội Chữ thập đỏ	302	Bao gồm quỹ lương: 227trđ; chi hành chính: 30trđ; hỗ trợ kinh phí tổ chức lễ tôn vinh hiến máu tình nguyện, kp hoạt động công tác hội: 45trđ
	+ Kinh phí hoạt động Người cao tuổi thành phố	227	Bao gồm quỹ lương: 62trđ; chi hành chính: 15trđ; hỗ trợ tháng hành động người cao tuổi các xã, phường: 28tr; Hỗ trợ hoạt động 6 CLB liên thế hệ 12trđ; KP tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao người cao tuổi; tham gia hội thi hội diễn do các cấp tổ chức, phát động: 90 trđ
	+ KP phân lô cấp đất	10	Phòng QLDT
	+ KP Ban chỉ đạo các chương trình	150	
	Kinh phí hỗ trợ cơ quan thường trực chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn	10	Phòng Lao động TBXH
	Ban chỉ đạo cứu trợ xã hội, Ban chỉ đạo quỹ vì người nghèo, Ban chỉ đạo Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"	30	Ủy ban MTTQVN
	Ban chỉ đạo thực hiện Kết luận 61, Ban chỉ đạo thực hiện Quyết định 81 của Thủ tướng Chính phủ	20	Hội nông dân
	Ban chỉ đạo Thi hành án dân sự thành phố	15	Chi cục thi hành án thành phố

Stt	Nội dung	NS thành phố	Ghi chú
	Ban chỉ đạo phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn	15	Phòng Kinh tế
	Kinh phí BCD cuộc vận động TĐĐKXD ĐSVH, đô thị văn minh	15	Ủy ban MTTQ thành phố
	Kinh phí ban chỉ đạo phong trào TĐĐKXD ĐSVH	15	Phòng Văn hóa và Thông tin
	Kinh phí ban chỉ đạo thực hiện nếp sống văn minh đô thị	15	Phòng Văn hóa và thông tin
	Ban chỉ đạo 389 và các đoàn kiểm tra liên ngành	15	Phòng Kinh tế
	+ Kinh phí quản lý, vận hành Trung tâm điều hành đô thị thông minh	600	Văn phòng HĐND-UBND
	+ Hỗ trợ kinh phí duy trì tuyến phố đi bộ năm 2023	350	Trung tâm văn hóa, thể thao, truyền thông
	+ KP sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điện, thay thế bóng đèn thấp sáng, hệ thống cửa phân làn, thang máy, điều hòa, kiểm định hệ thống chống sét, hệ thống PCCC	300	Văn phòng HĐND-UBND
	+ Kinh phí ủy thác qua Ngân hàng chính sách thực hiện Chi thị số 40-CT/TW	310	Ngân hàng chính sách XH tỉnh
	+ KP lắp biển tuyên truyền nội quy tuyến đường, phố văn minh đô thị	50	Phòng Văn hóa và thông tin
	+ Hỗ trợ kinh phí tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại	40	Phòng Kinh tế
	+ KP mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố	1.500	Danh mục mua sắm tài sản chi tiết theo phụ lục VIII kèm theo
	Văn phòng Thành ủy	36	
	Thanh tra thành phố	12	
	Phòng Nội vụ	6,6	
	Văn phòng HĐND-UBND	820	Trong đó: Tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung tại tỉnh 380 trđ
	Trung tâm văn hóa, thể thao, truyền thông	550	
	Đội quản lý trật tự đô thị	10	
	Trung tâm chính trị	40,5	
	Ủy ban MTTQ	9,9	
	Hội phụ nữ	10	
	Hội Cựu chiến binh	5	
1.2	Hỗ trợ có mục tiêu	43.659	
	- Hoạt động sự nghiệp môi trường	18.000	
	Phòng Tài nguyên & Môi trường	15.730	
	KP duy trì vệ sinh, quản lý Trụ sở hợp khối các cơ quan thành phố	1.670	Văn phòng HĐND-UBND thành phố
	KP thực hiện nhiệm vụ nạo vét hệ thống thoát, Hồ lãng năm 2022	600	Phòng QLDT
	- Kinh phí chăm sóc cây xanh đô thị	14.000	Phòng QLDT
	- Kinh phí phát động lễ trồng cây tại Thành phố Lai Châu	300	Phòng QLDT
	- KP thực hiện chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	606	Phòng Kinh tế
	+ Sửa chữa, nâng cấp thủy lợi Suối Thầu xã Sùng Phài	303	Công trình có tổng dự toán 4.600 trđ, đã bố trí dự toán 2.476 trđ; KP bố trí 303 trđ
	+ 50% KP thực hiện chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	303	
	- KP hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	983	Phòng Kinh tế
	- KP sửa chữa, vận hành điện và tiền điện chiếu sáng	8.000	Phòng Quản lý đô thị
	KP vận hành và điện chiếu sáng đô thị, vận hành trạm biến áp khu Trung tâm hành chính thành phố; sửa chữa điện chiếu sáng, điện trang trí và hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn thành phố	8.000	

Stt	Nội dung	NS thành phố	Ghi chú
	- Kinh phí thực hiện sửa chữa các công trình giao thông, nước sinh hoạt, chỉnh trang đô thị, sửa chữa trụ sở	1.770	
	+ Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông nông thôn bản Lò Suối Tùng xã San Thành	342	Phòng Kinh tế (Công trình tiếp chi)
	+ Nâng cấp tuyến đường từ nhà máy gạch Tuynel (cũ) đến đường Trần Hưng Đạo	742	Ban Quản lý dự án (Công trình tiếp chi)
	+ Kinh phí thực hiện sửa chữa các công trình giao thông, nước sinh hoạt, chỉnh trang đô thị	686	Phòng QLDT
1.3	Kinh phí thực hiện các Đề án, Nghị quyết	1.692	
	- Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025	1.622	Phòng Kinh tế
	- Kinh phí thực hiện Nghị quyết 08/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025	70	Phòng Kinh tế
1.4	Chi từ nguồn thu sử dụng đất của thành phố năm 2023	3.055	Phòng Tài nguyên & Môi trường
	- Kinh phí đo đạc bổ sung, đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, cấp GCNQSD đất ở, đất SXNN và đất nuôi trồng thủy sản tại một số khu vực trên địa bàn các xã, phường thành phố Lai Châu; Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030; Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023	3.000	
	- Kinh phí thống kê đất đai năm 2022	55	
2	Chi sự nghiệp môi trường	2.245	
	+ Phòng Kinh tế	300	
	Kinh phí quản lý, vệ sinh môi trường Hồ Thượng, Hồ Hạ, Hồ Láng	300	
	+ Phòng Tài nguyên và Môi trường	1.945	
	Kinh phí vệ sinh môi trường	1.945	
3	Chi sự nghiệp Giáo dục - đào tạo	170.444	
3.1	Chi sự nghiệp giáo dục	168.318	
3.1.1	Phòng Giáo dục và Đào tạo	166.798	
	Trong đó:		
	- KP thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ	691	
	- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền ăn cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở ở các xã khu vực II thuộc huyện nghèo 30a và các xã thoát khỏi xã ĐBKK không hưởng chế độ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND	200	
	- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho trẻ em 3-5 tuổi theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ	282	
	- KP thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ	1.161	
	- Kinh phí hỗ trợ học tập cho học sinh dân tộc ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP của Chính phủ	292	
	- Kinh phí thực hiện chính sách đối với học sinh, sinh viên khuyết tật thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	71	
	- Kinh phí thực hiện hỗ trợ nấu ăn tập trung	845	
	- Chính sách hỗ trợ trẻ em 24-36 tháng tuổi theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	35	

Stt	Nội dung	NS thành phố	Ghi chú
	- Hỗ trợ kinh phí sửa chữa, mua sắm trang thiết bị dạy học cho các trường dự kiến đạt chuẩn quốc gia, duy trì trường chuẩn và cơ sở vật chất các trường, lớp học thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới, lớp học thông minh	14.151	
	- Hỗ trợ kinh phí duy trì hoạt động câu lạc bộ bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc trong trường học giai đoạn 2021-2025 theo Kết luận số 224-KL/TU ngày 18/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	40	
3.1.2	Phòng Nội vụ	1.500	
	- Kinh phí thi đua, khen thưởng ngành giáo dục	1.500	
3.1.3	Phòng Lao động TBXH	20	
	- Kinh phí thực hiện Nghị định 81/2021/NĐ-CP	20	
3.2	Sự nghiệp đào tạo	2.126	
	- Trung tâm chính trị	1.016	Bao gồm: Quỹ lương 300trđ, chi hành chính 36trđ; kp sửa chữa hội trường, lắp đặt màn hình Led phục vụ công tác giảng dạy tại Trung tâm: 680trđ
	- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng	670	
	+ Trung tâm Chính trị (KP mở lớp, tham gia hội thi giảng viên lý luận chính trị giỏi và tổ chức các hội nghị khác theo nhiệm vụ được giao)	500	
	+ Phòng nội vụ thành phố	100	
	+ Văn phòng Thành ủy	70	
	- Kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn	440	
	+ Phòng Lao động TB&XH	440	
4	Sự nghiệp văn hoá - thông tin	1.977	
	- Trung tâm văn hóa, thể thao, truyền thông thành phố	1.977	Bao gồm: Quỹ lương 1057trđ, chi hành chính 120trđ; các hoạt động văn hóa, tuyên truyền và các hoạt động khác 800trđ
5	Sự nghiệp thể thao	680	
	- Trung tâm văn hóa, thể thao, truyền thông thành phố	630	
	- Kinh phí tổ chức giải cầu lông CBCNVC thành phố	50	
6	Sự nghiệp truyền thanh	1.900	
	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông	1.900	Đã bao gồm: Quỹ lương: 1.130trđ; chi hành chính: 130trđ; kinh phí xây dựng duy trì chuyên mục tuyên truyền, quảng bá sản phẩm OCOP trên địa bàn: 50trđ; KP sửa chữa, duy trì hệ thống truyền thanh không dây: 220trđ; KP chi trả nhuận bút, tiền điện trạm phát sóng và các hoạt động đặc thù: 370trđ
7	Đảm bảo xã hội	7.307	
	- Phòng Lao động - TB&XH	7.257	
	+ Kinh phí thực hiện Nghị định 20/2021/NĐ-CP	4.700	
	+ Thăm hỏi GD chính sách	330	
	+ Cấp thẻ BHYT cho đối tượng bảo trợ xã hội	451	
	+ Cấp thẻ BHYT cho đối tượng người có công	540	
	+ KP chi trả trợ cấp hàng tháng qua hệ thống bưu điện	118	
	+ Kinh phí mai táng phí	586	
	+ Cứu trợ XH, các hoạt động XH khác	300	
	+ Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội	182	

Stt	Nội dung	NS thành phố	Ghi chú
	+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động, đại hội Hội nạn nhân chất độc da cam	50	
	- Kinh phí thăm hỏi đối với một số đối tượng do Ủy ban MTTQ thành phố thực hiện	50	
8	Chi Quản lý hành chính	31.537	
8.1	Quản lý nhà nước	18.800	
	- Văn phòng HĐND - UBND	7.418	
	+ Văn phòng HĐND	1.940	Trong đó: Quỹ lương 584 trđ, phụ cấp công vụ: 111trđ; chi hành chính 60trđ, phụ cấp đại biểu HĐND: 215trđ, KP báo chí 70trđ; Chi hoạt động của HD và chi các hoạt động đặc thù khác: 900trđ
	+ Văn phòng UBND	5.478	Trong đó đã bao gồm: Quỹ lương 1.709trđ, phụ cấp công vụ: 317trđ; chi hành chính 204trđ, quỹ lương + chi hành chính hợp đồng theo ND 161: 500trđ; chi hoạt động đặc thù : 1.500 trđ...
	- Phòng Quản lý đô thị	1.130	Trong đó: Quỹ lương 845trđ; phụ cấp công vụ: 155trđ; chi hành chính 120trđ, KP hoạt động cấp phép xây dựng: 10trđ
	- Phòng Nội vụ	2.136	Trong đó: Quỹ lương 885trđ, phụ cấp công vụ: 163trđ; chi hành chính 108trđ, KP kê khai tài sản, chi đặc thù: 80trđ, KP thi đua khen thưởng 800trđ; HN tổng kết TĐKT khối huyện, TP 100trđ
	- Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.633	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương: 1.098trđ; phụ cấp công vụ: 199trđ; chi hành chính: 132trđ; KP hoạt động quản lý mạng, điều hành chế độ quản lý ngân sách Tabmis: 200tr; phụ cấp công tác giá: 4trđ
	- Phòng Tài nguyên & Môi trường	1.055	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 792trđ, phụ cấp công vụ: 143trđ; chi hành chính: 120trđ
	- Phòng Kinh tế	1.385	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 962trđ; phụ cấp công vụ: 178trđ; chi hành chính 120trđ, KP hoạt động công nghệ, chăm sóc kiến kinh nghiệm 50trđ; KP đánh giá, phân loại sản phẩm OCOP; duy trì ISO: 60trđ; KP giải quyết thủ tục hành chính 15trđ
	- Phòng Tư pháp	818	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 477trđ, phụ cấp công vụ: 87trđ; chi hành chính 60trđ, KP tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật ; hoạt động Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật: 110 trđ; KP xây dựng, kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản QPPL: 14trđ; KP Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật: 10 trđ; KP quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính theo Thông tư số 19/2017/TT-BTC: 30trđ; tập huấn công tác hòa giải ở cơ sở...: 30trđ
	- Phòng Lao động - TB&XH	817	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 577 triệu đồng, phụ cấp công vụ: 108trđ; chi hành chính 72 triệu đồng, KP tháng hành động PCCN: 10tr; kinh phí vì sự tiến bộ của phụ nữ: 15 triệu đồng; HN tập huấn công tác BTXH 20trđ; KP kiểm tra liên ngành 15trđ
	- Phòng Văn hoá và Thông tin	714	Trong đó: quỹ lương 471trđ, phụ cấp công vụ: 87trđ, chi hành chính 60trđ, KP hoạt động cấp phép đủ điều kiện kinh doanh lĩnh vực karaoke, internet, hoạt động đối kiểm tra liên ngành 814, duy trì hệ thống phần mềm mạng thư viện điện tử, duy trì hệ thống thông tin điện tử các xã, phường...81trđ; KP hoạt động công tác gia đình: 15trđ

Stt	Nội dung	NS thành phố	Ghi chú
	- Thanh tra thành phố	864	<i>Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 565trđ; phụ cấp công vụ: 89trđ, chi hành chính 60 trđ, hỗ trợ kinh phí giải quyết đơn thư, tiếp công dân, hoạt động tham mưu chấm điểm phòng chống tham nhũng và các hoạt động đặc thù khác:80trđ; KP trang phục:40 trđ; Tổng kết cụm thi đua khối huyện, thành phố ngành thanh tra: 30trđ</i>
	- Phòng Giáo dục & ĐT	830	<i>Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 625trđ, phụ cấp công vụ: 121trđ; chi hành chính 84trđ</i>
8.2	Chi ngân sách Đảng	8.496	
8.2.1	Văn phòng Thành uỷ	7.996	<i>Trong đó đã bao gồm: Quỹ lương 3.735trđ ; phụ cấp công vụ: 657trđ; phụ cấp đảng, 789trđ; chi hành chính 504trđ; Chi đặc thù 1.000trđ; chỉnh lý tài liệu lưu trữ 300trđ; ...</i>
8.2.2	KP thực hiện Quyết định 99 -QĐ/TW	292	
	- Các chi bộ cơ quan	292	
	+ Văn phòng Thành uỷ; Ban Tuyên giáo; Ban Tổ chức; Ủy ban kiểm tra	48	
	+ Văn phòng HĐND - UBND	12	
	+ Phòng Quản lý đô thị	14	
	+ Phòng Tư pháp	12	
	+ Phòng Nội vụ	14	
	+ Phòng Tài chính - KH	14	
	+ Phòng Tài nguyên & MT	14	
	+ Trung tâm dịch vụ nông nghiệp thành phố	14	
	+ Trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thông thành phố	14	
	+ Phòng Kinh tế	13	
	+ Phòng Lao động TBXH	12	
	+ Phòng Văn hoá và Thông tin	12	
	+ Thanh tra thành phố	12	
	+ Phòng Giáo dục & ĐT	12	
	+ Trung tâm PT quỹ đất	14	
	+ Đội Quản lý trật tự đô thị	12	
	+ Thành đoàn - Hội Cựu chiến binh	10	
	+ Hội liên hiệp Phụ nữ	13	
	+ Hội Nông dân	13	
	+ Ban dân vận - UB MTTQ	13	
8.2.3	Phụ cấp cấp ủy các chi bộ cơ quan	208	
	+ Văn phòng Thành uỷ; Ban Tuyên giáo; Ban Tổ chức; Ủy ban kiểm tra (5 người)	27	
	+ Văn phòng HĐND - UBND (4 người)	22	
	+ Phòng Lao động TBXH	6	
	+ Phòng Nội vụ (2 người)	12	
	+ Phòng Tài chính - Kế hoạch (02 người)	12	
	+ Phòng Kinh tế (2 người)	12	
	+ Phòng văn hóa (1 người)	6	
	+ Hội chữ thập đỏ	6	

Stt	Nội dung	NS thành phố	Ghi chú
	+ Trung tâm dịch vụ nông nghiệp thành phố (3 người)	18	
	+ Trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thông thành phố (5 người)	27	
	+ Phòng Quản lý đô thị	6	
	+ Phòng Tư pháp	6	
	+ Trung tâm PT quỹ đất (2 người)	12	
	+ Đội Quản lý TTĐT (2 người)	12	
	+ Phòng Giáo dục & ĐT (2 người)	12	
	+ Thành đoàn - Hội Cựu chiến binh	6	
	+ Ban dân vận - UB MTTQ (01 người)	6	
8.3	Đoàn thể	4.241	
8.3.1	Kinh phí đoàn thể	4.008	
	+ Ủy ban MTTQ	1.136	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 543trđ, phụ cấp công vụ: 100trđ, phụ cấp đoàn thể: 119trđ; chi hành chính 72trđ, KP hoạt động đặc thù, thực hiện các hoạt động công tác Mặt trận 160 tr; KP tham gia góp ý xây dựng đảng thực hiện QĐ 217, 218: 30trđ; KP khen thưởng theo HD số 40: 25trđ; KP duy trì xây dựng nông thôn mới xã Sùng Phài: 20trđ; KP hoạt động ban tư vấn: 12trđ; KP ủy viên UBMTTQVN: 26trđ; hoạt động ban thanh tra nhân dân: 15trđ; KP tổ chức ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc năm 2023: 14 trđ
	+ Thành đoàn	601	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 275 trđ, phụ cấp công vụ: 49trđ, phụ cấp đoàn thể: 59trđ, chi hành chính 48 triệu đồng, kinh phí hoạt động các phong trào đoàn 160 tr; KP tham gia góp ý xây dựng đảng thực hiện QĐ 217, 218: 10 trđ;
	+ Hội Liên hiệp phụ nữ	927	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 383trđ, phụ cấp công vụ: 71trđ; phụ cấp đoàn thể: 85trđ; chi hành chính 48trđ, KP hoạt động đặc thù, tổ chức các hoạt động phong trào, sơ kết, tổng kết, hoạt động kết nghĩa với Đồn biên phòng Huổi Luông: 150trđ; KP mua quà cho tân binh: 30trđ; KP tham gia góp ý xây dựng đảng thực hiện QĐ 217, 218: 10trđ; KP thực hiện Đề án 938, 939: 50trđ
	+ Hội Nông dân	836	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 368trđ, phụ cấp công vụ: 68trđ, phụ cấp đoàn thể: 82trđ, chi hành chính 48trđ, KP hoạt động đặc thù, sơ tổng kết các chương trình, tổ chức tham gia các hội thi: 130trđ; KP tham gia góp ý xây dựng đảng thực hiện QĐ 217, 218: 10trđ; KP đại hội Hội nông dân nhiệm kỳ 2023-2028: 130 trđ
	+ Hội Cựu chiến binh	508	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 270 trđ, phụ cấp công vụ: 53trđ; phụ cấp đoàn thể: 64trđ; chi hành chính 36trđ, KP hoạt động đặc thù tuyên truyền NQ, tổ chức gặp mặt Cựu chiến binh chống Pháp, chống Mỹ và các hoạt động khác: 80 trđ; KP tham gia góp ý xây dựng đảng thực hiện QĐ 217,218: 5trđ
8.3.2	Hoạt động các hội	233	
	+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động Liên đoàn Lao động TP	120	KP tổ chức các hội thi, sự kiện: 60trđ; hỗ trợ KP tổ chức Đại hội nhiệm kỳ: 60 trđ
	+ Hội Văn học nghệ thuật	30	Phòng Văn hóa và Thông tin
	+ Hội Cựu thanh niên xung phong	15	Thành đoàn
	+ Hội Cựu giáo chức	15	Phòng Giáo dục và Đào tạo

Stt	Nội dung	NS thành phố	Ghi chú
	+ Hội khuyến học	15	Phòng Giáo dục và Đào tạo
	+ Hội Cựu chiến binh khối cơ quan	15	Hội Cựu chiến binh
	+ Hội Luật gia	23	Phòng Tư pháp
9	Chi an ninh - Quốc phòng	3.283	
9.1	Chi hỗ trợ an ninh địa phương	800	
	+ Công an thành phố	800	
9.2	Quốc phòng địa phương	2.483	
	+ Chi hỗ trợ quốc phòng địa phương	800	
	+ Kinh phí huấn luyện dân quân, tự vệ và dự bị động viên	1.100	
	+ Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm của DQTV theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP	583	
10	Chi ngân sách xã	444	
	+) Kinh phí mua sắm tài sản (Thuộc danh mục mua sắm tập trung tại tỉnh)	444	Văn phòng HĐND-UBND thành phố (Danh mục mua sắm tài sản chi tiết theo phụ lục VIII kèm theo)
11	Chi khác ngân sách	890	
	- Hỗ trợ Kinh phí Ban chỉ đạo Công tác tôn giáo, Ban chỉ đạo quy chế dân chủ	80	
	+ Văn phòng Thành ủy	80	
	- Hỗ trợ công tác thu ngân sách	300	Chi cục thuế khu vực thành phố Lai Châu - Tam đường
	- Bổ sung quỹ hỗ trợ nông dân	300	Hội Nông dân thành phố
	- Hỗ trợ kinh phí hoạt động các cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương đóng trên địa bàn thực hiện nhiệm vụ của địa phương	210	
	+ Viện kiểm sát nhân dân thành phố	70	
	+ Chi cục thi hành án dân sự thành phố	70	
	+ Tòa án nhân dân thành phố	70	
III	Dự phòng ngân sách	5.732	
1	Ngân sách thành phố	5.732	
IV	Tăng thu ngân sách 2022	3.300	
	- 70% tăng thu để CCTL theo quy định	2.310	
	- Kinh phí tăng thu để các nhiệm vụ quan trọng theo quy định của Luật NSNN năm 2015	990	
	+ Kinh phí ủy thác qua Ngân hàng chính sách thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW	990	Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh
V	Cân đối để thực hiện các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm	2.644	
VI	Nguồn thu sử dụng đất năm 2023 chưa phân bổ	38.885	Thực hiện phân bổ chi tiết khi đạt chỉ tiêu thu
B	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	14.022	
I	Vốn thực hiện các Chương trình MTQG	9.872	
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	3.244	
	Vốn đầu tư	3.244	
2	Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng Đồng bào DTTS và miền núi	6.628	
	Vốn đầu tư	6.628	

Stt	Nội dung	NS thành phố	Ghi chú
II	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 59/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025	4.150	
1	Hỗ trợ một lần xây dựng địa điểm tổ chức các hoạt động trải nghiệm tìm hiểu văn hóa, thể thao đặc sắc dân tộc	1.000	
2	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng dọc đường nội bản, đường dạo tại điểm du lịch Bản San Thành, xã San Thành, thành phố Lai Châu	500	
3	Cải tạo, nâng cấp đường nội bản, đường dạo tại điểm du lịch Bản San Thành, xã San Thành, thành phố Lai Châu	2.500	
4	Tổ chức lớp truyền dạy ẩm thực dân tộc Giáy gắn với điểm du lịch cộng đồng bản San Thành, xã San Thành	150	Phòng Văn hóa và thông tin



BIỂU CHI TIẾT DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 3184/BC-UBND ngày 05/12/2022 của UBND thành phố Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số giao thu	Phường Đoàn Kết	Phường Tân Phong	Phường Quyết Thắng	Phường Quyết Tiến	Phường Đông Phong	Xã San Thàng	Xã Sùng Phái
	Tổng thu ngân sách địa phương (I+II)	39.153	5.634	6.237	4.954	4.946	5.367	5.913	6.102
	Thu NSNN trên địa bàn	2.136	460	640	100	230	465	215	26
I	Thu NSNN trên địa bàn xã, phường hương	1.608	337	487	75	167	336	185	21
1	Thu lệ phí trước bạ nhà, đất	1.146	230	320	50	170	300	70	6
	- Ngân sách thành phố hương	344	69	96	15	51	90	21	2
	- Ngân sách xã, phường hương	802	161	224	35	119	210	49	4
2	Lệ phí môn bài	610	180	190	30	40	130	30	10
	- Ngân sách thành phố hương	184	54	57	10	12	39	9	3
	- Ngân sách xã, phường hương	426	126	133	20	28	91	21	7
3	Thu khác ngân sách	380	50	130	20	20	35	115	10
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	37.545	5.297	5.750	4.879	4.779	5.031	5.728	6.081
1	Thu bổ sung cân đối	37.065	5.297	5.750	4.879	4.779	5.031	5.328	6.001
2	Thu bổ sung có mục tiêu	480						400	80

BIỂU CHI TIẾT CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 3184/BC-UBND ngày 05 / 12 / 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung chi	Cộng	Phường Đoàn Kết	Phường Tân Phong	Phường Quyết Thắng	Phường Quyết Tiến	Phường Đông Phong	Xã San Thàng	Xã Sùng Phải
	TỔNG CỘNG	39.153	5.634	6.237	4.954	4.946	5.367	5.913	6.102
1	CHI CÂN ĐÒI NGÂN SÁCH CẤP XÃ	38.673	5.634	6.237	4.954	4.946	5.367	5.513	6.022
1	Chi sự nghiệp kinh tế	4.335	500	640	615	410	500	830	840
1.1	Sự nghiệp giao thông	1.000	150	120	120	120	120	170	200
	Sự nghiệp giao thông	1.000	150	120	120	120	120	170	200
1.2	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	755	50	50	115	10	60	200	270
	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND	755	50	50	115	10	60	200	270
1.3	Sự nghiệp kinh tế khác	2.580	300	470	380	280	320	460	370
	Hỗ trợ kinh phí nạo vét, sửa chữa hố ga...	630	100	120	80	80	120	60	70
	Hỗ trợ KP sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công theo Thông tư số 65/2021/TT-BTC	1.800	200	200	300	200	200	400	300
	Hỗ trợ kinh phí duy trì tuyến phố đi bộ năm 2023	150		150					
2	Sự nghiệp văn hóa, thể thao	739	114	125	88	94	94	105	119
	- Kinh phí hỗ trợ hoạt động của đội văn nghệ thôn bản theo Kết luận 224-KL/TU ngày 18/10/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Đề án "Nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác tư tưởng Đảng bộ tỉnh"	219	39	45	18	24	24	30	39
	- Hỗ trợ thêm kinh phí văn hóa, thể thao	520	75	80	70	70	70	75	80
3	Đảm bảo xã hội	250	43	53	21	32	32	32	37
	Kinh mừng thọ, chăm sóc người cao tuổi	180	33	43	11	22	22	22	27
	Hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo xã hội	70	10	10	10	10	10	10	10
4	Chi quản lý hành chính cấp xã	30.325	4.543	4.948	3.839	4.062	4.284	4.065	4.584
	Quyế lương cán bộ chuyên trách	12.248	1.755	1.864	1.602	1.771	1.831	1.668	1.757
	Phụ cấp công vụ	2.226	320	339	292	323	329	304	319
	Phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách	6.949	1.207	1.425	607	870	890	825	1.125

STT	Nội dung chi	Cộng	Phường Đoàn Kết	Phường Tân Phong	Phường Quyết Thắng	Phường Quyết Tiến	Phường Đông Phong	Xã San Thàng	Xã Sùng Phái
	Kinh phí ban thanh tra nhân dân, giám sát cộng đồng	35	5	5	5	5	5	5	5
	Hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội	154	22	22	22	22	22	22	22
	Kinh phí thực hiện Quyết định số 99	961	146	160	79	125	141	130	180
	Tiền điện, sửa chữa các cụm loa trạm truyền thanh không dây	165	28	22	12	25	30	20	28
	Kinh phí thực hiện CCHC, duy trì ISO, tuyên truyền phổ biến GDPL, hoạt động từ sách pháp luật, hoạt động hòa giải cơ sở, hỗ trợ cán bộ trực 1 cửa, giải quyết đơn thư tiếp công dân	459	65	79	60	60	60	65	70
	Hỗ trợ hoạt động tổ dân vận ở bản, tổ dân phố	32	4	5	3	3	3	5	9
	Hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề án, Nghị quyết	350	50	50	50	50	50	50	50
	Hỗ trợ kinh phí Đại hội Hội Nông dân nhiệm kỳ 2023-2028	148	20	20	20	25	20	20	23
	Kinh phí hỗ trợ người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	30	2	1	6	1	1	6	13
	Hỗ trợ hoạt động các chi hội thuộc bản đặc biệt khó khăn theo QĐ số 22 của UBND tỉnh	25							25
	Kinh phí hoạt động của các tổ dân phố, bản để thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND	936	169	195	78	104	104	117	169
	Kinh phí đảm bảo thực hiện cuộc vận động của UBMTTQVN cấp xã theo NQ số 22/2018/NQ-HĐND	140	20	20	20	20	20	20	20
	Hỗ trợ kinh phí hoạt động của Ban công tác mặt trận khu dân cư	325	58	70	25	35	38	40	59
	Kinh phí giám sát, phân biện xã hội theo QĐ số 217-QĐ/TW, QĐ số 124-QĐ/TW của BCH TW Đảng	70	10	10	10	10	10	10	10
	Phụ cấp thâm niên, đặc thù theo NĐ 72/2020/NĐ-CP	133	14	8	38	5	24	29	15
	Kinh phí phụ cấp đại biểu HĐND và kinh phí thực hiện NQ số 45/2016/NQ-HĐND	1.342	187	203	183	183	183	210	193
	Kinh phí ủy viên BCH Đảng bộ	537	81	75	81	75	75	75	75
	Kinh phí duy trì bản sắc văn hóa dân tộc Thái	30	30						
	Kinh phí duy trì bản sắc dân tộc Giáy xã San Thàng	30						30	
	Kinh phí duy trì bản sắc dân tộc Giáy, tổ chức lễ hội truyền thống phường Quyết Thắng	70			70				
	Kinh phí duy trì bản sắc dân tộc Mông	30							30
	Kinh phí chi trả chế độ hằng tháng đối với đảng viên thuộc Đảng bộ tỉnh Lai Châu được tặng huy hiệu Đảng từ 40 năm tuổi đảng trở lên theo NQ số 27/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	81					37	29	15
	Hưu trí	132			51		56	25	

STT	Nội dung chi	Cộng	Phương Đoàn Kết	Phương Tân Phong	Phương Quyết Thần	Phương Quyết Tiến	Phương Đông Phong	Xã San Thàng	Xã Sùng Phải
	Xây dựng cuốn lịch sử đảng bộ phường	200			200				
	Chi thường xuyên (bao gồm kinh phí chi chuyên môn nghiệp vụ, sửa chữa tài sản, hoạt động trung tâm học tập cộng đồng và các nhiệm vụ chi thường xuyên khác)	2.487	350	375	325	350	355	360	372
5	Chi quốc phòng	1.125	135	143	176	114	214	210	133
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ quân sự quốc phòng địa phương	855	135	143	106	114	114	110	133
	Kinh phí diễn tập chiến đấu phòng thủ	200					100	100	
	Kinh phí diễn tập phòng chống cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn	70			70				
6	Chi an ninh	719	132	147	60	79	79	94	128
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 20/9/2022 của HĐND tỉnh	719	132	147	60	79	79	94	128
7	Chi khác ngân sách	90	10	15	10	10	10	20	15
	Hỗ trợ kinh phí hoạt động Ban chỉ đạo công tác tôn giáo, quy chế dân chủ	90	10	15	10	10	10	20	15
8	Kinh phí mua sắm tài sản (Không thuộc danh mục tài sản mua sắm tập trung tại tỉnh)	350	50	50	50	50	50	50	50
9	Dự phòng ngân sách	740	107	116	95	95	104	107	116
II	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	480	-	-	-	-	-	400	80
1	Kinh phí tổ chức lễ hội theo Nghị quyết 59/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	160						80	80
2	Hỗ trợ cải tạo, sửa chữa nhà ở theo kiến trúc nhà ở truyền thống bản San Thàng, xã San Thàng	320						320	



BIỂU CHI TIẾT KINH PHÍ MUA SẴM TÀI SẢN NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 3/85 /BC-UBND ngày 05 / 12 / 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

ĐVT: Đồng

ST T	Đơn vị/Tài sản	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền	Tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung (Kinh phí cấp về Văn phòng UBND-UBND)	Tài sản không thuộc danh mục mua sắm tập trung (Kinh phí cấp về các cơ quan, đơn vị mua sắm)	Ghi chú
	TỔNG CỘNG				1.944.000.000	824.000.000	1.120.000.000	
A	KHỎI CÁC CƠ QUAN VÀ ĐOÀN THỂ				1.500.000.000	380.000.000	1.120.000.000	
I	CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ				1.450.100.000	355.000.000	1.095.100.000	
1	Văn phòng Thành ủy				91.000.000	55.000.000	36.000.000	
	Máy vi tính xách tay (UBKT)	Cái	2	15.000.000	30.000.000	30.000.000		
	Máy in 2 mặt (Ban Tuyên giáo)	Cái	1	10.000.000	10.000.000	10.000.000		
	Bàn họp (Ban Dân vận)	Cái	1	6.000.000	6.000.000		6.000.000	
	Bộ bàn ghế tiếp khách (Phó trưởng ban Dân vận, phó trưởng ban Tuyên giáo, Phó chánh Văn phòng)	Bộ	3	5.000.000	15.000.000		15.000.000	
	Bộ bàn ghế làm việc lãnh đạo (Phó trưởng Ban Dân vận, phó trưởng Ban Tuyên giáo, Phó Chánh Văn phòng)	Bộ	3	5.000.000	15.000.000		15.000.000	
	Tủ tài liệu bằng gỗ phòng lãnh đạo (Phó trưởng Ban Dân vận, phó trưởng Ban Tuyên giáo, Phó Chánh Văn phòng)	Cái	3	5.000.000	15.000.000	15.000.000		
2	Phòng Nội vụ				21.600.000	15.000.000	6.600.000	
	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	15.000.000	15.000.000	15.000.000		
	Bàn ghế làm việc lãnh đạo	Bộ	1	5.000.000	5.000.000		5.000.000	
	Ghế xoay chuyển viên	Cái	2	800.000	1.600.000		1.600.000	
3	Phòng Lao động - TB&XH				75.000.000	75.000.000	-	
	Máy photocopy	Cái	1	75.000.000	75.000.000	75.000.000		
	Tủ tài liệu (tủ sắt 6 cánh)	Cái						

ST T	Đơn vị/Tài sản	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền	Tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung (Kinh phí cấp về Văn phòng HĐND-UBND)	Tài sản không thuộc danh mục mua sắm tập trung (Kinh phí cấp về các cơ quan, đơn vị mua sắm)	Ghi chú
4	Phòng Tư pháp Máy vi tính để bàn	Bộ	1	15.000.000	15.000.000	15.000.000	-	
5	Văn phòng HĐND-UBND Máy vi tính xách tay Thay thế hệ thống mic, âm ly tại phòng họp Lắp đặt hệ thống điều hòa âm trần tại phòng Lưu trữ hồ sơ	Cái Bộ hệ thống	2 1 1	15.000.000 400.000.000 40.000.000	470.000.000	30.000.000 30.000.000	440.000.000 400.000.000 40.000.000	
6	Trung tâm VH, TT&TT Máy cắt chữ Máy hút âm (Phòng thu âm) Hệ thống âm thanh sân khấu	Cái Cái hệ thống	1 1 1	45.000.000 5.000.000 500.000.000	550.000.000	-	550.000.000 45.000.000 5.000.000 500.000.000	
7	Phòng Kinh tế Máy photocopy	Cái	1	75.000.000	75.000.000	75.000.000	-	
8	Phòng Quản lý đô thị Máy tính xách tay	Cái	1	15.000.000	15.000.000	15.000.000		
9	Thanh tra thành phố Máy vi tính để bàn Máy in 2 mặt Máy ảnh	bộ Cái Cái	1 1 1	15.000.000 10.000.000 12.000.000	37.000.000	25.000.000	12.000.000	
10	Trung tâm phát triển quỹ đất Máy tính xách tay	Cái	1	15.000.000	15.000.000	15.000.000	-	
11	Đội quản lý trật tự đô thị Máy vi tính xách tay Bộ bàn ghế làm việc (Đội phó) Bộ bàn ghế tiếp khách (Đội phó) Tủ tài liệu (Đội trưởng, đội phó)	Cái Cái Bộ Bộ Cái	1 1 1 1 1	15.000.000 15.000.000 5.000.000 5.000.000 5.000.000	30.000.000	20.000.000 15.000.000	10.000.000 5.000.000 5.000.000	
12	Phòng Tài chính - Kế hoạch				15.000.000	15.000.000	-	

ST T	Đơn vị/Tài sản	DVT	SL	Đơn giá	Thành tiền	Tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung (Kinh phí cấp về Văn phòng HĐND-UBND)	Tài sản không thuộc danh mục mua sắm tập trung (Kinh phí cấp về các cơ quan, đơn vị mua sắm)	Ghi chú
	Máy vi tính để bàn	Bộ	1	15.000.000	15.000.000	15.000.000		
13	Trung tâm chính trị				40.500.000		40.500.000	
	Thiết bị âm thanh Hội trường phục vụ công tác giảng dạy	Bộ	1	40.500.000	40.500.000		40.500.000	
II KHỎI ĐOÀN THỂ					49.900.000	25.000.000	24.900.000	
I Ủy ban MTTQ					19.900.000	10.000.000	9.900.000	
	Bàn làm việc chuyên viên 1,4m	Cái	3	2.500.000	7.500.000		7.500.000	
	Ghế xoay chuyên viên	Cái	3	800.000	2.400.000		2.400.000	
	Máy in 2 mặt	Cái	1	10.000.000	10.000.000	10.000.000		
2 Hội phụ nữ					15.000.000	5.000.000	10.000.000	
	Bộ bàn ghế làm việc phòng Phó Chủ tịch	Bộ	1	5.000.000	5.000.000		5.000.000	
	Bộ bàn ghế tiếp khách phòng Phó Chủ tịch	Bộ	1	5.000.000	5.000.000		5.000.000	
	Tủ làm việc phòng PCT	Cái	1	5.000.000	5.000.000	5.000.000		
3 Hội Nông dân thành phố Lai Châu					10.000.000	10.000.000	-	
	Máy in 2 mặt	Cái	1	10.000.000	10.000.000	10.000.000		
4 Hội Cựu chiến binh					5.000.000	-	5.000.000	
	Bộ bàn ghế làm việc lãnh đạo	Bộ	1	5.000.000	5.000.000		5.000.000	
B UBND XÃ PHUỜNG					444.000.000	444.000.000	-	
1 UBND phường Đoàn Kết					20.000.000	20.000.000	-	
	Máy in 02 mặt	Cái	2	10.000.000	20.000.000	20.000.000		
2 UBND phường Tân Phong					93.000.000	93.000.000	-	
	Máy vi tính để bàn	Bộ	2	15.000.000	30.000.000	30.000.000		
	Tủ sắt	Cái	1	3.000.000	3.000.000	3.000.000		
	Máy photocô	Cái	1	60.000.000	60.000.000	60.000.000		
3 UBND xã Sùng Phài					90.000.000	90.000.000	-	
	Máy vi tính để bàn	Bộ	4	15.000.000	60.000.000	60.000.000		
	Máy in 2 mặt	Cái	3	10.000.000	30.000.000	30.000.000		

ST T	Đơn vị/Tài sản	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền	Tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung (Kinh phí cấp về Văn phòng HĐND- UBND)	Tài sản không thuộc danh mục mua sắm tập trung (Kinh phí cấp về các cơ quan, đơn vị mua sắm)	Ghi chú
4	UBND xã Sơn Thành				65.000.000	65.000.000		
	Máy vi tính để bàn	Bộ	2	15.000.000	30.000.000	30.000.000		
	Máy in 2 mặt (LBP3300)	Cái	2	10.000.000	20.000.000	20.000.000		
	Máy tính sách tay	Cái	1	15.000.000	15.000.000	15.000.000		
5	UBND phường Quyết Tiến				71.000.000	71.000.000		
	Máy vi tính để bàn	Bộ	3	15.000.000	45.000.000	45.000.000		
	Máy in 2 mặt	Cái	2	10.000.000	20.000.000	20.000.000		
	Tủ tài liệu	Cái	2	3.000.000	6.000.000	6.000.000		
6	UBND phường Đông Phong				105.000.000	105.000.000		
	Máy tính xách tay	Bộ	4	15.000.000	60.000.000	60.000.000		
	Máy in 2 mặt (LBP3300)	Cái	3	10.000.000	30.000.000	30.000.000		
	Tủ đựng tài liệu	Cái	5	3.000.000	15.000.000	15.000.000		